

PHỤ LỤC 1

CÁC TÀI LIỆU PHÁP LÝ

1. Công văn của Văn phòng Chính phủ số 216/VPCP-KTN ngày 9/1/2009 về ý kiến của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải giao cho Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch địa điểm xây dựng trung tâm Điện lực Vân Phong và phối hợp với UBND tỉnh Khánh Hòa hướng dẫn tổ hợp nhà đầu tư Sumitom/Hanoinco phát triển Nhà máy nhiệt điện Vân Phong 1, công suất 2x660MW.
2. Công văn của UBND tỉnh Khánh Hòa số 2108/UBND ngày 10/04/2008 thống nhất với MOIT về việc chấp thuận địa điểm nhà máy nhiệt điện Vân Phong.
3. Quyết định của MOIT số 0374/QĐ-BCT ngày 20/01/2009 về việc phê duyệt Quy hoạch trung tâm Điện lực Vân Phong – tỉnh Khánh Hòa.
4. Công văn của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Khánh Hòa số 2224/STNMT-CCBVMT ngày 29/11/2010 về đồng ý nạo vét khu vực đổ thải của NMNĐ Vân Phong 1.
5. Công văn của BQL khu KT Vân Phong số 1039/KKT-QHXD ngày 25/12/2011 về thông báo mốc chỉ giới của NMNĐ BOT Vân Phong 1.
6. Quyết định của Thủ tướng số 380/QĐ-TTg ngày 17/03/2014 về Phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh Khu KT Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa tới năm 2030.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 216 /VPCP-KTN

V/v Quy hoạch địa điểm
Trung tâm điện lực
Vân Phong, Khánh Hòa

Hà Nội ngày 01 tháng 01 năm 2009

Kính gửi:

- Bộ Công Thương;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Xét đề nghị của Bộ Công Thương (công văn số 12113/BCT-NL ngày 24 tháng 12 năm 2008), Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải có 7 kiến nghị như sau:

1. Giao Bộ Công Thương:

- Phê duyệt Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa và chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định hiện hành.
- Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa hướng dẫn Tổ hợp nhà đầu tư Sumitomo/Bachdang-Hanoinceo lập Dự án nhiệt điện Vân Phong 1, công suất 2x660 MW, vận hành thương mại từ cuối năm 2014, hoàn thành công trình năm 2015 và các cơ sở hạ tầng của Trung tâm điện lực nói trên, trình duyệt theo quy định hiện hành.
- Dự án nhiệt điện Vân Phong 2, công suất 2x660 MW sẽ được xác định kế hoạch phê duyệt Quy hoạch điện VII.

2. Các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Văn phòng Chính phủ xin thông báo để các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan biết, thực hiện/.

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Văn Trọng Lý

Nội dung:

- Văn phòng;
- Thủ tướng, PTT Chính phủ Hoàng Trung Hải;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Giao thông vận tải, Quốc phòng, TN và MT; NN và PTNT, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- VPCP: BTCN, PCN Văn Trọng Lý, Công TTĐT, Cơ vụ, TH, TKIBT;
- KTH, QHQT, ĐP;
- Lưu: VT, KTN (4), Chi (2).

Số: 2108/UBND

Nha Trang, ngày 10 tháng 4 năm 2008

V/v: Quy hoạch địa điểm xây dựng
Trung tâm Điện lực Vân Phong.

Kính gửi: Bộ Công thương.

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã có công văn số 769/UBND ngày 01/02/2008 về việc góp ý báo cáo quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm Điện lực Vân Phong tỉnh Khánh Hòa, thông báo số 105/TB-UBND ngày 18/3/2008 về việc Thông báo kết luận của UBND tỉnh Khánh Hòa về quy hoạch Trung tâm Điện lực Vân Phong (sau đây gọi tắt TTĐL Vân Phong). Sau khi nghe Viện Năng lượng báo cáo và có văn bản giải trình về quy hoạch TTĐL Vân Phong, UBND tỉnh Khánh Hòa có ý kiến như sau:

1. UBND tỉnh thống nhất phương án lựa chọn địa điểm xây dựng TTĐL Vân Phong, tại xã Ninh Phước, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

2. UBND tỉnh thống nhất trình Thủ tướng Chính phủ cho phép bổ sung dự án TTĐL Vân Phong vào Quy hoạch điện VI, Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong và đề nghị Bộ Giao thông Vận tải cho phép chủ đầu tư xây dựng cảng chuyên dùng cho dự án.

3. Về công suất nhà máy và cân bằng điện năng theo phương án cao 20%, đầu tư 02 nhà máy công suất 2640 MW: cần cập nhật thêm hiện trạng phụ tải và tính toán yêu cầu phụ tải của các dự án trên địa bàn Khu kinh tế Vân Phong như Khu phức hợp công nghiệp nặng STX VINA, Kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong, Tổ hợp lọc hóa dầu Petrolimex, Cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong; các dự án trên địa bàn thị xã Cam Ranh như Khu công nghiệp Nam Cam Ranh và Bắc Cam Ranh; dự án Nhà máy lọc dầu tại tỉnh Phú Yên ...

4. Đề nghị Viện Năng lượng tiếp tục nghiên cứu các tác nhân gây ô nhiễm nguồn nước, không khí, bụi và các chất thải độc hại NO_x , SO_x , CO_x ... đối với môi trường, đồng thời có các giải pháp xử lý các tác nhân đó nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường tại khu vực xung quanh TTĐL và vùng phụ cận.

5. Nhu cầu nước ngọt được tính toán lại khoảng 8,45 triệu m^3 /năm, tuy nhiên khi thiết kế dự án theo phương án hệ thống khử SO_x sử dụng nước biển nên cần phải tính toán lại nhu cầu nước ngọt theo phương án được chọn. Theo hồ sơ quy hoạch nguồn nước cung cấp lấy từ hồ Đá Bàn và hồ Tiên Du, tuy nhiên theo nhiệm vụ thiết kế của hồ chứa nước Tiên Du chỉ cấp nước cho khu vực Nam Vân Phong 20.000 m^3 /ngày, hồ chứa nước Đá Bàn chưa có nhiệm vụ cấp nước cho Khu kinh tế Vân Phong, vì vậy cần sớm kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn điều chỉnh nhiệm vụ cấp nước của hồ Đá Bàn và Tiên Du phục vụ phát triển công nghiệp.

Đề nghị Viện Năng lượng cập nhật thông tin mới nhất về quy hoạch xây dựng các hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh để tính toán khả năng cân đối nguồn cung cấp nước cho TTĐL.

6. Tác động môi trường của việc thải nước làm mát: vì hệ thống sử dụng khối lượng nước biển rất lớn khoảng 95.000 m³/h (1 tổ máy) nên hệ thống kênh dẫn nước thải và kết cấu hình dạng cửa thải phải đảm bảo đưa dòng chảy nước thải về chế độ êm. Nhiệt độ nước làm mát chênh lệch giữa lúc lấy vào và xả ra trong giới hạn cho phép và phải nhỏ hơn 40^oC trong mọi điều kiện.

7. Bãi chứa xỉ khu vực bờ biển: không cần xây dựng hồ chứa xỉ dự phòng. Có các biện pháp bảo đảm môi trường nước xung quanh bãi chứa xỉ, đặc biệt là các biện pháp xử lý lượng nước mưa, gió bụi, thẩm thấu ... trong khu vực bãi chứa xỉ. Đập chắn hồ chứa xỉ và lượng nước trong hồ khi tính toán cần đưa thêm các số liệu ảnh hưởng đến như lượng mưa, gió bão ... trong điều kiện khí tượng bất lợi nhất để tránh hiện tượng vỡ đập hay nước tràn từ hồ ra ngoài.

8. Các nội dung khác:

- Bổ sung đánh giá tác động môi trường do tác động tản nhiệt đối với môi trường nước và không khí; ảnh hưởng của nhiệt độ đối với khu vực dân cư Ninh Tịnh - Ninh Phước; ảnh hưởng từ các hoạt động của tàu chở dầu nguyên liệu.

- Đề giảm mật độ tàu ra vào khu vực này, đề nghị nghiên cứu phương án sử dụng tàu chở nguyên liệu các loại từ 5.000 DWT trở lên.

- Có phương án phòng chống sự cố tràn dầu.

- Chương trình quản lý và quan trắc môi trường: đề nghị xem xét nghiên cứu xây dựng chương trình quan trắc môi trường để kiểm soát các thông số đầu ra của các yếu tố ảnh hưởng môi trường liên tục 24 giờ/24 giờ.

9. Quy hoạch khu nhà ở của nhân viên: đề nghị chuyển về khu dân cư Ninh Long - Ninh Thủy hoặc khu dân cư Ninh Tịnh - Ninh Phước đã được quy hoạch.

10. Định hướng quy hoạch sân bay Nha Trang: đề nghị bỏ việc nâng cấp mở rộng sân bay Nha Trang và thay bằng sân bay Cam Ranh.

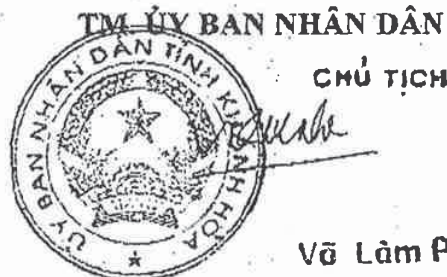
11. Hành lang an toàn lưới điện đối với đường dây 220kV và 500kV: hiện nay khu vực huyện Ninh Hòa đã có nhiều đường dây 110kV, 220kV và trên địa bàn huyện có quy hoạch nhiều khu dân cư cũng như các quy hoạch ngành khác. Do đó, cần có nghiên cứu chi tiết hơn cho hướng tuyến của các đường dây 220kV, 500kV thuộc dự án nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến quy hoạch chung trên các địa bàn đường dây 220kV, 500kV đi qua. Tuyến 500kV nghiên cứu dọc Quốc lộ 26 để đầu nối đường 500kV Tây Nguyên (thay Di Linh).

Văn bản này thay cho văn bản số 769/UBND ngày 01/02/2008. UBND tỉnh Khánh Hòa kính trình Bộ Công thương xem xét, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định./n

Nơi nhận:

- Như trên;
- BQL KKT Vân Phong;
- Các Sở: KHĐT, XD, TN&MT, CN, NN&PTNT;
- UBND huyện Ninh Hòa;
- Cty CP Điện lực KH;
- Lưu VT.

1/1b



Số: 0374/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch địa điểm
xây dựng Trung tâm điện lực Vân Phong – Khánh Hoà

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025;

Căn cứ văn bản số 12183/BTC-NL ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch địa điểm xây dựng Trung tâm điện lực (TTĐL) Vân Phong, tỉnh Khánh Hoà;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Phó thủ tướng Hoàng Trung Hải tại văn bản số 216/VPCP-KTN ngày 09 tháng 01 năm 2009 về Quy hoạch địa điểm xây dựng TTĐL Vân Phong;

Căn cứ ý kiến của các Bộ, ngành liên quan và UBND tỉnh Khánh Hoà về đề án Quy hoạch địa điểm xây dựng TTĐL Vân Phong do Viện Năng lượng lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Năng lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch địa điểm Trung tâm điện lực (TTĐL) Vân Phong, tỉnh Khánh Hoà do Viện Năng lượng (IE) thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) lập tháng 3 năm 2008 và bổ sung tháng 5&8 năm 2008, với các nội dung chính sau đây:

1. Tên dự án: Trung tâm điện lực (TTĐL) Vân Phong - Khánh Hoà.
2. Địa điểm quy hoạch: xã Ninh Phước, huyện Ninh Hòa (nằm trong khu vực Khu kinh tế Vân Phong), tỉnh Khánh Hoà.

Tổng diện tích đất của TTĐL Vân Phong khoảng 353 ha, trong đó:

- Phần trên đất liền khoảng 170 ha (gồm Nhà máy chính và các khu vực phụ trợ khoảng 150 ha; Khu nhà ở CBCNV khoảng 20 ha).

- Phần mặt nước biển khoảng 183 ha (gồm Khu nhà máy chính (đất lấn biển) khoảng 30 ha; Khu vực cảng than, dầu, cảng hàng hóa khoảng 45 ha; Bãi chứa tro xỉ khoảng 108 ha).

3. Quy mô công suất, công nghệ và quy hoạch tổng mặt bằng:

a) *Quy mô công suất và công nghệ:* Trên cơ sở các điều kiện về: tự nhiên, mặt bằng, khả năng cung cấp, vận chuyển và bốc dỡ than của địa điểm, đầu nối hệ thống điện, cấp nước ngọt, ảnh hưởng môi trường... TTĐL Vân Phong - Khánh Hòa được dự kiến quy hoạch với quy mô công suất khoảng 2640 MW (4 tổ máy), đốt than phun, công nghệ ngưng hơi truyền thống, hệ thống làm mát trực tiếp bằng nước biển. Phát triển theo 2 giai đoạn với qui mô dự kiến:

- Giai đoạn 1 gồm 2 tổ máy, công suất khoảng 2 x 660 MW;
- Giai đoạn 2 gồm 2 tổ máy, công suất khoảng 2 x 660 MW.

Cấu hình, công suất, công nghệ và chi tiết của tổ máy sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

b) *Quy hoạch tổng mặt bằng:*

Tổng diện tích trong hàng rào của TTĐL Vân Phong khoảng 180ha. Giai đoạn 1 nằm sát biển có diện tích khoảng 66 ha, giai đoạn 2 nằm phía trong, diện tích khoảng 60 ha. Khu vực hành lang kỹ thuật chung có diện tích khoảng 7,0 ha, bố trí phía cuối các nhà máy chính. Khu vực phụ trợ phục vụ cho thi công xây dựng giai đoạn 2 có diện tích khoảng 15ha.

Các hạng mục công trình trong các nhà máy được bố trí theo hướng từ Tây Bắc đến Đông Nam, bao gồm 3 khu vực chính: Sân phân phối cao áp, đền khu lò hơi - tua bin và cuối cùng là khu vực kho than.

Khu phụ trợ của nhà máy nằm ở góc Tây Nam bao gồm các nhà xưởng và các kho bãi phục vụ cho công việc vận hành của nhà máy.

Hệ thống đường nội bộ bao quanh TTĐL và ra các cổng của các nhà máy.

Khu bờ biển phía Đông của TTĐL được kè bờ để xây dựng 2 bãi xi (trong đó có một bãi dự phòng).

Giữa 2 bãi xi là cảng tạm và đường dẫn ra cảng than và cảng dầu ngoài biển.

Trạm bơm nước làm mát bố trí phía cuối khu đất dành cho thi công (phía Nam khu nhà máy chính). Cảng than bố trí phía ngoài biển, cách bờ đập bãi xi số 2 khoảng 500m. Từ cảng than có 1 hệ thống cầu dẫn băng tải than vào nhà máy.

Đường chính vào nhà máy bố trí tại góc phía Tây Bắc, gần khu vực hành chính, quản lý vận hành.

4. Quy hoạch các hệ thống và cơ sở hạ tầng chính

a) *Hệ thống cung cấp nhiên liệu*

- *Nhiên liệu chính:* Tổng lượng than tiêu thụ khoảng 6,5 triệu tấn/năm,

nguồn than nhập.

- *Nhiên liệu phụ*: Dầu FO/DO, nhu cầu: khoảng 20.000 tấn/năm.

Nguồn: từ nhà máy lọc dầu trong nước hoặc nhập khẩu, bốc dỡ tại cảng chuyên dụng của nhà máy.

- *Phương tiện vận chuyển*: Than và dầu được vận chuyển bằng đường biển và bốc dỡ tại cảng chuyên dùng của nhà máy. Vận chuyển than bằng tàu biển có công suất 30.000 – 80.000 DWT và tàu dầu tải trọng 2.500 - 5.000 DWT.

b) Quy hoạch hệ thống bến cảng

Bến cảng chuyên dụng cho TTĐL được dự kiến xây dựng cảng kiểu cố định đặt ngoài TTĐL Vân Phong với quy mô công suất khoảng 6,5 – 7,0 triệu tấn/năm.

c) Quy hoạch bãi tro xỉ

Bãi thải xỉ của TTĐL Vân Phong được bố trí nằm hoàn toàn ngoài bờ biển phía Đông của TTĐL, bao gồm 2 bãi xỉ riêng biệt, trong đó, bãi thải số 1 (chính) nằm ở phía Đông Bắc nhà máy, có sức chứa 5 triệu m³ tro xỉ; bãi thải số 2 nằm ở phía Đông Nam nhà máy (dự phòng), có sức chứa 4 triệu m³ xỉ.

Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xây dựng các phương án tiêu thụ hết lượng tro xỉ thải ra, đảm bảo nguyên tắc diện tích bãi thải chỉ quy hoạch tối đa cho 10 năm vận hành.

d) Quy hoạch hệ thống nước làm mát

Hệ thống nước làm mát được thiết kế chung cho toàn TTĐL khoảng 2640MW, với tổng nhu cầu nước khoảng 382.000 m³/h (106 m³/s). Nguồn nước làm mát bình ngưng là nước biển, trạm bơm nước tuần hoàn đặt tại phía Nam TTĐL, điểm xả được đặt ở phía Bắc.

e) Hệ thống cung cấp nước ngọt

Được quy hoạch theo 2 phương án.

Phương án 1 (PA chính): Sử dụng công nghệ Hệ thống FGD bằng nước biển (sử dụng nước biển làm chất hấp thụ khử lưu huỳnh trong khói thải), nhu cầu tiêu thụ nước ngọt cho dự án khoảng 720 m³/h (tương đương khoảng 4,7 triệu m³/năm), nguồn cung cấp nước ngọt sẽ lấy từ hồ Tiên Du.

Phương án 2 (dự phòng): Sử dụng công nghệ Hệ thống FGD bằng đá vôi (sử dụng đá vôi làm chất hấp thụ khử lưu huỳnh trong khói thải), nhu cầu tiêu thụ nước ngọt khoảng 1300 m³/h (khoảng 8,5 triệu m³/năm), nguồn cấp bổ sung điều tiết từ hồ Đá Bàn (theo văn bản thỏa thuận nguồn cấp nước cho TTĐL Vân Phong số 3064/UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 22 tháng 05 năm 2008).

Xây dựng hệ thống đường ống dẫn nước ngọt từ hồ chứa về TTĐL.

f) Hệ thống đường giao thông và cây xanh, cảnh quan

Hệ thống đường giao thông thiết kế cho toàn TTĐL, gồm 2 tuyến đường dọc và 2 tuyến đường ngang, với chiều rộng 10m - 12m, kết cấu bằng bê tông asphalt.

Các tuyến đường này sẽ đi đến các khu: Nhà máy chính, trạm điện, trạm bơm làm mát, khu hành chính, kho than, cảng than và các công trình phụ trợ.

Tuyến nội bộ trong nhà máy có chiều rộng 5m, 6m, 8m đảm bảo phục vụ vận hành, bảo dưỡng sửa chữa các hạng mục, khu vực trong các nhà máy.

g) Bố trí cảnh quan cây xanh

Sử dụng hợp lý cây xanh, vườn hoa, tiểu địa hình, các dạng kiến trúc nhỏ... để tạo cho nhà máy có một cảnh quan kiến trúc công nghiệp hiện đại. Tổng diện tích cây xanh, vườn hoa, tiểu địa hình nên được thiết kế đáp ứng TCVN liên quan, mật độ phủ xanh đảm bảo khoảng 15% tổng diện tích mặt bằng.

i) Hệ thống thoát nước mặt

Hệ thống thu gom nước mưa bên trong nhà máy là hệ thống riêng biệt, nước mặt sau khi được thu gom và xử lý được thải qua hệ thống kênh thải. Nước mưa, nước thải trong khu vực kho than được thu gom và xử lý riêng.

Nước thải nhiễm hoá chất sẽ tự chảy đến hố trung hoà và được thải ra qua hệ thống thải nước chung sau khi đã được xử lý hoá học.

k) Khu nhà ở CBCNV và khu tái định cư

Khu nhà ở CBCNV dự kiến bố trí tại khu dân cư Ninh Long, xã Ninh Thủy. Diện tích khu vực dự kiến cho xây dựng khu nhà ở CBCNV khoảng 20 ha.

Khu tái định cư dự kiến bố trí cách nhà máy khoảng 2 km về phía Nam (theo quy hoạch của địa phương).

l) Quy hoạch các tuyến hành lang kỹ thuật

Nguyên tắc quy hoạch chung cho toàn bộ TTĐL, khu vực hành lang kỹ thuật được bố trí phía cuối nhà máy chính, chạy dài suốt chiều rộng của nhà máy. Chiều rộng của hành lang dự kiến khoảng 100m.

m) Cao trình nhà máy

Cao trình san nền dự kiến + 5.0m đến +7.5m (theo hệ cao độ VN2000).

5. Quy hoạch đấu nối với HTĐ quốc gia

TTĐL Vân Phong đấu nối với Hệ thống điện Quốc gia bằng cấp điện áp 220 kV và 500 kV (dự kiến Tổ máy số 1 phát lên cấp điện áp 220kV và 3 tổ máy còn lại phát lên 500kV, truyền tải về các trạm khu vực TP Hồ Chí Minh).

Phương án đấu nối lưới sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn lập dự án đầu tư.

2.6 Bảo vệ môi trường sinh thái

- Về kiểm soát phát thải khí, các nhà máy trong TTĐL sẽ trang bị các thiết bị tiên tiến, với hiệu suất bộ khử bụi tĩnh điện đạt trên 99%, hiệu suất khử SO_x đạt trên 85,0% và hiệu suất khử NO_x đạt trên 60% (nếu cần thiết) đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường quy định.

- Về nước thải công nghiệp, đầu tư hệ thống xử lý tiên tiến, hiện đại, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng TCVN; tái sử dụng tối đa nước thải sau xử lý.

- Về nước thải sau làm mát, sẽ áp dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật phù hợp nhằm đảm bảo đáp ứng các quy định hiện hành về nhiệt độ nước làm mát khi thải ra môi trường, bảo vệ môi trường sinh thái khu vực.

- Về bảo vệ môi trường đối với hệ thống bãi thải xi, sẽ áp dụng các giải pháp thiết kế đập bãi xi phù hợp, tái tuần hoàn hệ thống nước lắng trong bãi xi, chống thấm phù hợp để đảm bảo nước trong bãi xi không thấm qua đập chắn và đáy bãi xi làm ô nhiễm môi trường nước ngầm và nước biển khu vực.

- Về kiểm soát phát thải nhiệt và tiếng ồn, sẽ áp dụng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ và quản lý vận hành phù hợp để giảm thiểu tiếng ồn, ô nhiễm bụi, chất thải rắn, đáp ứng TCVN quy định.

7. Hình thức đầu tư, chủ đầu tư dự án và tiến độ thực hiện

- Về tiến độ thực hiện:

Tiến độ dự kiến các giai đoạn đầu tư trong TTĐL Vân Phong:

| Stt | Tên dự án | Quy mô công suất | Tiến độ vận hành |
|-----|--------------------------|------------------|------------------|
| 1 | Giai đoạn 1 (Tổ máy 1&2) | 2 x 660 MW | 2014 - 2015 |
| 2 | Giai đoạn 2 (Tổ máy 3&4) | 2 x 660 MW | Sau năm 2015 |

- Về hình thức đầu tư: Dự kiến theo hình thức BOO/BOT.

- Chủ đầu tư: Giao Tổ hợp nhà đầu tư gồm Tập đoàn Sumitomo - Nhật Bản/Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng - Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp xây dựng Hà Nội (Sumitomo/Bachdang-Hanoinco) thực hiện đầu tư Giai đoạn 1 - 2x660 MW. Đồng thời, sẽ xem xét giao Tổ hợp thực hiện đầu tư tiếp Giai đoạn 2 trong Quy hoạch điện VII.

9. Các quy hoạch khác

Các vấn đề quy hoạch khác được thực hiện theo đề án Quy hoạch tổng thể TTĐL Vân Phong do Viện Năng lượng lập.

Điều 2. Giao Tổ hợp nhà đầu tư Sumitomo/Bachdang-Hanoinco:

- Triển khai lập Dự án đầu tư NME Vân Phong 1 - 2x660 MW, trình duyệt theo quy định, đảm bảo tiến độ đưa nhà máy vào vận hành năm 2014 – 2015;

- Phối hợp với UBND tỉnh Khánh Hoà triển khai xây dựng các cơ sở hạ tầng dùng chung của TTĐL, thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư và hoàn chỉnh các quy hoạch hạ tầng cơ sở liên quan (chuyên quyền sử dụng đất,

phương án cung cấp nước ngọt, đường ô tô, đường dây tải điện,...).

- Làm việc với Bộ Giao thông vận tải để thoả thuận phương án Quy hoạch cảng chuyên dùng của TTĐL (cảng ngoài biển), đảm bảo việc vận chuyển, lưu kho, bốc dỡ và cung cấp cho TTĐL.

- Khảo sát nguồn than nhập khẩu đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ lâu dài của dự án.

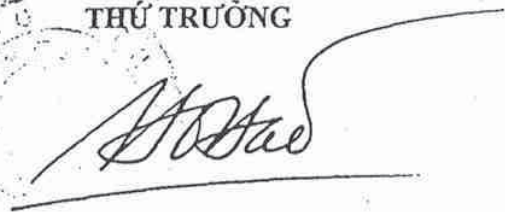
- Giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư xây dựng hệ thống lưới điện đồng bộ với TTĐL Vân Phong đáp ứng tiến độ yêu cầu của các giai đoạn phát triển các dự án trong TTĐL.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Năng lượng, Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP;
- Bộ trưởng;
- Bộ GTVT, XD, KHĐT, TNMT, VHTTDL, NNPTNT, QP;
- UBND tỉnh Khánh Hoà;
- Tôhợp Sumitomo/Bachdang-Hanoinco;
- Lưu: VT, NL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Đỗ Hữu Hào

0583829849

UBND TỈNH KHÁNH HOA
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 224 /STNMT -CCBVMT

Nha Trang, ngày 2 tháng 11 năm 2010

V/v Xác định vị trí đổ thải nạo vét của dự án
Nhà máy Nhiệt điện Vân Phong I

Kính gửi: - Văn phòng Sumitomo
Lầu 6, Nhà 5B Tôn Đức Thắng, Quận I, TP Hồ Chí Minh

Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận công văn số VP1-SC/TKY-0038 ngày 15-11-2010; Trong đó chủ dự án đầu tư Nhà Máy Nhiệt Điện Vân Phong I (Chủ dự án) đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, chấp thuận vị trí đổ thải khi thực hiện dự án xây dựng nhà máy.

Về vị trí đổ thải Chủ dự án đề xuất (Tọa độ 109°21'30"E, 12°27'30"N), Sở Tài nguyên và Môi trường thấy:

Tại vị trí trên hiện đã có 2 dự án đổ thải nạo vét là Dự án mở rộng nhà máy Xi măng Nghi Sơn và Dự án khu neo đậu tàu thuyền tránh bão tại xã Ninh Hải, Huyện Ninh Hòa. Với khối lượng nạo vét của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vân Phong, lượng đổ thải tại vị trí trên của các dự án khoảng 1.000.000 m³

Về chủ trương, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất vị trí khu vực đổ thải có tọa độ xác định như trên. Tuy nhiên việc đổ thải với khối lượng lớn tại một khu vực sẽ gây ảnh hưởng không tốt cho môi trường.

Để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường biển, Sở Tài nguyên và môi trường có ý kiến như sau:

Đề nghị chủ dự án bố trí phương tiện, trang thiết bị cần thiết, mời cơ quan chức năng khảo sát địa hình đáy biển khu vực đổ thải. Hiện nay, do điều kiện thời tiết không thuận lợi cho việc khảo sát, công việc trên sẽ được tiến hành trong điều kiện thời tiết tốt hơn. Việc thỏa thuận vị trí đổ thải được giải quyết sau khi khảo sát.

(Chủ dự án chủ động liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để thống nhất thời gian, phương thức khảo sát)

Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời để chủ dự án biết và thực hiện./

Nơi nhận

- Như trên;
- Ban Quản lý KKT Vân Phong;
- Lưu VT-CCBVMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



MAI VĂN TRĂNG

1

Số: 1039/KKT-QHXD
V/v: Thông báo về mốc ranh giới
Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Tổ hợp nhà đầu tư Sumitomo và Hanoinco.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại Văn bản số 6868/UBND-VP ngày 22/11/2011 về việc thỏa thuận ranh giới dự án Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong thông báo Tổ hợp nhà đầu tư Sumitomo và Hanoinco (sau đây viết tắt là: Tổ hợp nhà đầu tư) về mốc ranh giới Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1 như sau:

| Tên mốc | Tọa độ Nhà máy chính - 178,38ha | |
|---------|---------------------------------|------------|
| | X | Y |
| S1 | 1379514.139 | 612124.601 |
| S2 | 1380345.037 | 613238.577 |
| S3 | 1379473.260 | 613954.069 |
| S4 | 1378882.388 | 613140.726 |
| S5 | 1378340.578 | 613500.839 |
| S6 | 1378436.807 | 612906.837 |
| | Tọa độ Bãi xỉ 1 - 56,09ha | |
| A1 | 1379483.536 | 612094.918 |
| A2 | 1379478.274 | 612076.494 |
| A3 | 1379330.655 | 611994.712 |
| A4 | 1379202.605 | 611547.911 |
| A5 | 1378992.201 | 611332.107 |
| A6 | 1378879.573 | 611332.107 |
| A7 | 1378805.800 | 611529.749 |
| A8 | 1378789.377 | 612125.076 |
| A9 | 1378570.131 | 612685.201 |
| A10 | 1378603.984 | 612733.548 |
| | Tọa độ Bãi xỉ 2 - 50,23ha | |
| S7 | 1379366.401 | 613806.945 |
| S8 | 1379256.413 | 613886.854 |
| S9 | 1378340.578 | 613887.155 |



| | | |
|---|-------------|------------|
| S5 | 1378340.578 | 613500.839 |
| S4 | 1378882.388 | 613140.726 |
| Tọa độ khu vực 1 – Lấy nước làm mát - 18,09ha | | |
| W1 | 1378393.384 | 613174.881 |
| W2 | 1377841.728 | 613376.964 |
| S9 | 1378340.578 | 613887.155 |
| S5 | 1378340.578 | 613500.839 |
| Tọa độ khu vực 2 – Thải nước làm mát - 11ha | | |
| W3 | 1380246.948 | 613319.090 |
| W4 | 1380377.323 | 613860.153 |
| W5 | 1380080.608 | 613880.855 |
| W6 | 1380113.045 | 613428.986 |
| Tọa độ khu vực 3 – Cảng than và vũng quay tàu - 182,22ha | | |
| S3 | 1379473.260 | 613594.069 |
| S7 | 1379366.401 | 613806.945 |
| S8 | 1379256.413 | 613886.854 |
| S9 | 1378340.578 | 613887.155 |
| W7 | 1378122.745 | 615266.553 |
| W8 | 1378818.001 | 615765.437 |
| W9 | 1379035.984 | 615765.437 |
| Tọa độ khu vực 4 – Dốc dỡ than khẩn cấp - 3,41ha | | |
| W10 | 1379692.388 | 613774.227 |
| W11 | 1379780.343 | 613899.840 |
| W12 | 1379653.063 | 614003.476 |
| S3 | 1379473.260 | 613954.069 |
| Tổng diện tích của Dự án : 499,42 ha | | |

Trên cơ sở các mốc ranh giới trên đây, đề nghị Tổ hợp nhà đầu tư thực hiện các thủ tục tiếp theo của Dự án Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1 theo quy định.

Về nội dung “thống nhất về khả năng một số dự án nhà máy nhiệt điện khác trong khu vực sẽ sử dụng chung một số hạng mục (cầu cảng, vũng quay tàu...) của Dự án Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1...” theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản nêu trên, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong sẽ nghiên cứu và làm việc với Tổ hợp nhà đầu tư trong thời gian sớm nhất.

Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong thông báo để Tổ hợp nhà đầu tư nghiên cứu thực hiện. /*KT*

(Kèm theo Văn bản số 6868/UBND-VP ngày 22/11/2011 của UBND tỉnh KH và sơ đồ mốc ranh Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong I -- theo hệ tọa độ VN2000).

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/C)
- Các Sở: TN&MT, XD, GTVT, CT;
- BCH Biên phòng tỉnh KH;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- Cảng vụ Hàng hải Nha Trang;
- Lưu VT, QLĐT, QHXD.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Hoàng Đình Phi

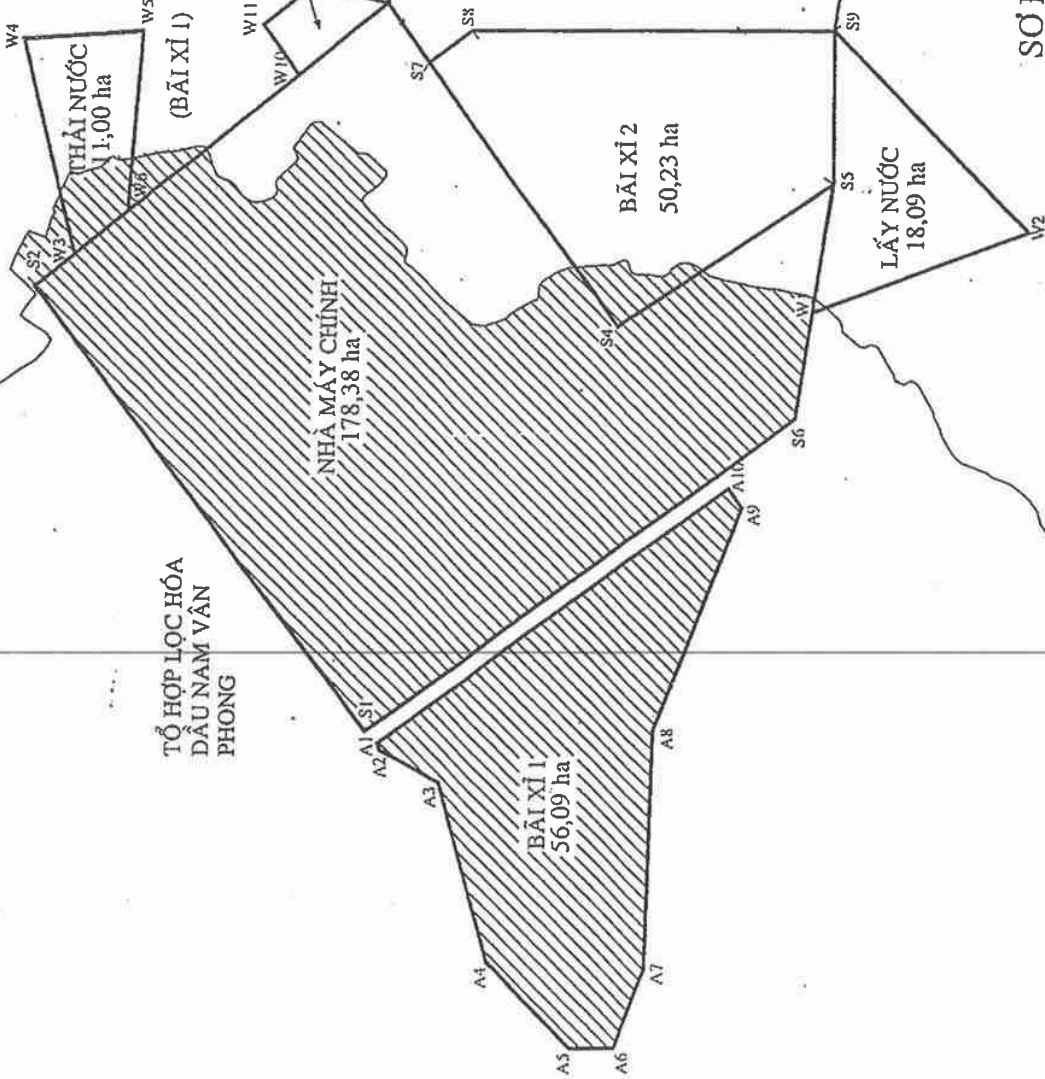


GHI CHÚ

- Ranh giới Dự án
- S3 W5 Tên mốc ranh giới theo hệ VN 2000 tọa độ theo Văn bản kèm theo
- ▨ Phần dự án trên đất liền

Ranh giới đất liền và mặt biển

**TỔ HỢP LỘC HÓA
DẦU NAM VÂN
PHONG**



**SƠ ĐỒ RANH GIỚI NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN
BOT VÂN PHONG 1**

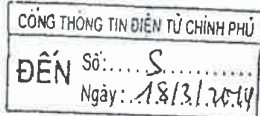
(kèm theo Văn bản số 123 ngày 26 tháng 12 năm 2011
của Ban quản lý KKT Vân Phong)

TTGT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 380/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2014



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung
xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về Quy hoạch Xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Khu kinh tế) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi lập quy hoạch:

Khu kinh tế Vân Phong có tổng diện tích khoảng 150.000 ha, bao gồm: 70.000 ha đất liền và đảo và 80.000 ha mặt nước, thuộc huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Phú Yên.

- Phía Nam giáp: Phường Ninh Hà, các xã: Ninh Quang, Ninh Phú và Ninh Vân của thị xã Ninh Hòa.

- Phía Tây giáp: Tỉnh Phú Yên; xã Xuân Sơn của huyện Vạn Ninh và các xã Ninh Sơn, Ninh Trung, Ninh Đông, Ninh Bình của thị xã Ninh Hòa.

- Phía Đông giáp biển Đông.

2. Tính chất:

- Là Khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực. Trong đó có: Cảng trung chuyển container quốc tế, công nghiệp lọc hóa dầu, trung chuyển dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ giữ vai trò chủ đạo, kết hợp phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ, công nghiệp, nuôi trồng hải sản và các ngành kinh tế khác.

- Là trung tâm kinh tế của tỉnh Khánh Hòa có vai trò đầu tàu thu hút đầu tư và là động lực phát triển kinh tế cho các vùng lân cận và cho cả nước.

3. Dự báo quy mô dân số:

- Đến năm 2020: Tổng quy mô dân số của Khu kinh tế là 260.000 người, trong đó, dân số tại các khu vực xây dựng tập trung là 155.000 người.

- Đến năm 2030: Tổng quy mô dân số của Khu kinh tế là 325.000 người, trong đó, dân số tại các khu vực xây dựng tập trung là 275.000 người.

4. Định hướng phát triển không gian:

Không gian phát triển Khu kinh tế tập trung chủ yếu tại hai khu vực:

- Khu vực Bắc Vân Phong: Tập trung tại Bán đảo Hòn Gốm, khu vực Đại Lãnh, khu vực Tu Bông và thị trấn Vạn Giã, gồm: Cảng trung chuyển quốc tế, cảng du lịch quốc tế, các công trình dịch vụ hậu cảng, công nghiệp, các khu đô thị du lịch và các khu đô thị đan xen với các khu rừng ngập mặn, các không gian cây xanh, mặt nước và các khu đồi núi trên bán đảo. Trong đó: Khu phi thuế quan bao gồm các khu chức năng: Cảng trung chuyển quốc tế và cảng du lịch quốc tế gắn với Đầm Môn; khu dịch vụ và công nghiệp hậu cảng; khu đô thị và trung tâm thương mại - tài chính tại trung tâm bán đảo Hòn Gốm, kết nối với các khu vực cảng và dịch vụ - công nghiệp hậu cảng.

- Khu vực Nam Vân Phong tập trung tại khu vực Đông Bắc thị xã Ninh Hòa và xã Ninh Phước, gồm: Cảng nước sâu, các tổ hợp công nghiệp, kho tàng tận dụng được lợi thế của cảng nước sâu, các khu đô thị và các khu dịch vụ du lịch, được phân bố, đan xen với các không gian sinh thái ngập mặn, đồi núi sát biển, dọc theo tỉnh lộ 652D (tỉnh lộ 1B cũ), cũng như phía Đông đường sắt quốc gia Bắc - Nam.

5. Phân khu chức năng:

Tổng diện tích đất tự nhiên của Khu kinh tế là khoảng 70.000 ha. Trong đó, diện tích đất xây dựng các khu đô thị, các khu du lịch, các khu, cụm công nghiệp tập trung và cảng tại Khu kinh tế là khoảng 10.050 ha. Cụ thể bao gồm:

a) Khu phi thuế quan: Tại trung tâm bán đảo Hòn Gốm, gắn với cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong tại Đầm Môn. Đất xây dựng các khu chức năng có quy mô khoảng 920 ha, bao gồm: Cảng trung chuyển quốc tế quy mô đến năm 2030 là 290 ha (giai đoạn tiềm năng là 750 ha); khu dịch vụ và công nghiệp hậu cảng quy mô khoảng 310 ha; khu đô thị và trung tâm thương mại - tài chính quy mô khoảng 315 ha; cảng du lịch Sơn Đùng - tại vị trí Đông Nam cảng trung chuyển quốc tế, quy mô khoảng 5 ha.

b) Các cơ sở và trung tâm công nghiệp ngoài khu phi thuế quan có diện tích khoảng 2.705 ha, bao gồm: Khu công nghiệp Vạn Thắng quy mô 200 ha; khu sản xuất vật liệu xây dựng Tân Dân quy mô 100 ha; khu vực sản xuất công nghiệp tập trung tại Dốc Đá Trắng quy mô 300 ha; khu phát triển công nghiệp tại Hòn Khói quy mô 250 ha; trung tâm công nghiệp Ninh Thủy quy

mô 250 ha; kho xăng dầu Hòn Mỹ Giang quy mô 90 ha; công nghiệp nhiệt điện, lọc hóa dầu và các cơ sở công nghiệp gắn với cảng nước sâu chuyên dùng tại Ninh Phước quy mô 1.515 ha.

c) Các khu dịch vụ du lịch và đô thị du lịch sinh thái biển có tổng diện tích đất xây dựng khoảng 880 ha, bao gồm: Các khu du lịch Đông Bắc bán đảo Hòn Gốm và các đảo quy mô khoảng 250 ha; khu đô thị du lịch tại Bãi Cát Thảm quy mô khoảng 220 ha; khu dịch vụ du lịch Bắc núi Cá Ông quy mô khoảng 28 ha; khu đô thị du lịch tại khu vực Tuần Lễ - Hòn Ngang - Mũi Đá Son quy mô khoảng 322 ha; khu dịch vụ du lịch tại Đại Lãnh quy mô khoảng 30 ha; khu dịch vụ du lịch tại Đông Bắc Hòn Hèo quy mô khoảng 30 ha. Diện tích trên chưa bao gồm đất cây xanh sinh thái và mặt nước.

d) Đất các khu đô thị đa chức năng có tổng diện tích đất xây dựng khoảng 5.100 ha, bao gồm: Khu vực Vĩnh Yên quy mô khoảng 90 ha; khu vực Nam Tu Bông đến đèo Cô Mã quy mô khoảng 900 ha; khu vực Đại Lãnh quy mô khoảng 90 ha; khu vực thị trấn Vạn Giã và vùng phụ cận quy mô khoảng 1.400 ha; khu vực trung tâm thị xã Ninh Hòa quy mô khoảng 555 ha; Khu vực hai bên quốc lộ 26B quy mô khoảng 650 ha; khu vực Dốc Lết quy mô khoảng 915 ha; khu vực Đông Bắc Ninh Hòa và Xóm Quán quy mô khoảng 500 ha. Diện tích trên chưa bao gồm đất cây xanh sinh thái và mặt nước.

đ) Đất giao thông chính kết nối các khu vực xây dựng tập trung: Khoảng 445 ha.

e) Tổng diện tích đất các khu chức năng khác ngoài các khu đất xây dựng tập trung là 59.950 ha, bao gồm:

- Đất các khu dân cư nông thôn có quy mô khoảng 552 ha, là các khu làng xóm hiện trạng được nâng cấp cải tạo, bổ sung hệ thống hạ tầng, chủ yếu nằm ở các khu vực phía Tây đường sắt quốc gia Bắc - Nam và ở khu vực giáp ranh giữa huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa.

- Đất an ninh, quốc phòng: Khoảng 364 ha.

- Đất giao thông liên khu vực: Khoảng 45 ha.

- Các khu sinh thái nông - lâm nghiệp và ngập mặn: Duy trì quỹ đất sản xuất lúa hai vụ và các quỹ đất sản xuất nông nghiệp có điều kiện thuận lợi ở phía Tây đường sắt quốc gia Bắc - Nam cũng như tại khu vực Lạc An; trồng rừng ngập mặn, tôn tạo cảnh quan và nâng cao giá trị sinh thái của các khu vực ngập mặn ven biển; trồng rừng, tôn tạo cảnh quan trên các khu vực núi thuộc bán đảo Hòn Gốm, Hòn Lớn, Hòn Hèo, núi Ô Gà. Trong đó: Đất thủy lợi và mặt nước chuyên dùng có diện tích khoảng 1.590 ha; đất sản xuất nông nghiệp khoảng 12.460 ha; đất nuôi trồng thủy sản khoảng 1.346 ha; đất đồng muối khoảng 631 ha; đất lâm nghiệp khoảng 33.763 ha.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: Khoảng 420 ha.

- Đất chưa sử dụng: Khoảng 8.668 ha.

- Đất khác: Khoảng 111 ha.

6. Thiết kế đô thị:

a) Hệ thống không gian mở: Duy trì, tôn tạo các giá trị cảnh quan sinh thái đặc sắc của hệ thống không gian mở bao gồm: Mặt nước vịnh Vân Phong; mặt nước các sông suối và rừng ngập mặn ven vịnh; các cồn cát và rừng phòng hộ; rừng cây và núi trên các đảo, bán đảo và trên đất liền; các quảng trường công cộng và hệ thống công viên cây xanh đô thị đan xen trong các không gian xây dựng. Ưu tiên tối đa việc sử dụng cho mục đích công cộng các bãi cát, bãi tắm ven biển và không gian ven mặt nước trong các khu đô thị và đô thị du lịch.

b) Các trục không gian chủ đạo: Trục không gian chính là trục không gian ven vịnh Vân Phong, bao gồm các không gian xây dựng đan xen với các không gian sinh thái, tạo sự cân bằng, bền vững. Trục không gian thứ hai là trục đường nối trung tâm bán đảo Hòn Gốm qua Tu Bông, Vạn Giã, đi Ninh Hòa, tạo mạch liên kết chính giữa Nam và Bắc Vân Phong, giữa các khu chức năng trong Khu kinh tế, giảm thiểu tác động lên các trục đường quốc lộ.

c) Các công trình điểm nhấn: Gắn với các trung tâm của các khu đô thị, chú trọng khai thác không gian mặt nước.

d) Định hướng không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị cho các khu vực đặc trưng.

Không gian xây dựng của Khu kinh tế được phân thành các vùng kiểm soát như sau:

- Khu trung tâm bán đảo Hòn Gốm và trên đảo Hòn Lớn bao gồm khu phi thuế quan, các khu đô thị du lịch sinh thái, trong đó:

+ Khu phi thuế quan: Tạo kết nối giữa khu vực dịch vụ thương mại tài chính với các khu chức năng khác, đặc biệt là cảng du lịch và cảng trung chuyển quốc tế, công nghiệp và dịch vụ hậu cảng... do địa hình có cao độ thay đổi mạnh, cần có các giải pháp kỹ thuật để ổn định nền xây dựng. Khai thác cao độ chênh lệch giữa các thềm địa hình, tạo cảnh quan đặc trưng.

+ Phát triển các khu đô thị và dịch vụ du lịch tiếp giáp với các bãi biển quanh bán đảo Hòn Gốm và đảo Hòn Lớn. Trong đó, khu vực bãi Cát Thắm có quy mô khoảng 220 ha, ngoài một số khu vực được tổ chức dạng resort hoặc các tổ hợp dịch vụ du lịch tập trung hoặc đô thị cao cấp khép kín, cần dành hơn 50% diện tích quỹ đất và 30% chiều dài bãi tắm trở lên để tổ chức các không gian dịch vụ với cấu trúc mở. Chú trọng xây dựng đường giao thông với quy mô không quá lớn; tạo các quảng trường công cộng gắn với không gian xây dựng (hạn chế tạo các quảng trường là các đảo giao thông),...

+ Khu vực Mũi Đồi là điểm cực Đông của đất nước. Tổ chức đường giao thông tiếp cận và tổ chức điểm tham quan công cộng phục vụ yêu cầu du lịch.

+ Phát triển các khu du lịch sinh thái biển tại các khu vực có tiềm năng quanh bán đảo Hòn Gốm và đảo Hòn Lớn. Chú trọng khai thác và tôn tạo địa hình, địa thế biệt lập của một số khu vực.

+ Trồng, khôi phục rừng tại các vùng núi có độ dốc lớn, tạo phong nền cảnh quan.

- Khu vực Tuần Lễ - Hòn Ngang:

+ Điều chỉnh hệ thống giao thông chính phù hợp với điều kiện địa hình tự nhiên và khí hậu của khu vực này. Giảm thiểu các tuyến giao thông theo hướng chính Tây Nam - Đông Bắc.

+ Tăng cường trồng rừng phòng hộ, kết hợp khai thác du lịch sinh thái cộng đồng với các dịch vụ tiện ích quy mô nhỏ, các dịch vụ cắm trại...

+ Phát triển một số cụm hoặc tuyến phố dịch vụ du lịch hài hòa với địa hình tự nhiên, tạo điểm nhấn trong không gian cũng như nơi cung cấp các dịch vụ tập trung.

+ Trong quá trình triển khai, có giải pháp hạn chế ảnh hưởng của gió, bão, cát bay và đảm bảo không gian công cộng ven biển, cũng như sức hấp dẫn và hiệu quả tổng thể của khu đô thị du lịch sinh thái.

- Khu vực Đại Lãnh: Có vị trí tương đối gần khu trung tâm bán đảo Hòn Gốm, là nơi cung cấp các dịch vụ hậu cần của bán đảo. Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng các khu dân cư hiện hữu; tổ chức không gian đô thị đảm bảo an toàn giao thông, đặc biệt là quốc lộ 1A và kết nối khu dân cư phía Tây đường với không gian ven vịnh Vân Phong; khai thác dịch vụ du lịch tại bãi biển Đại Lãnh và khu du lịch Đại Lãnh.

- Khu vực từ Tu Bông đến phía Nam đèo Cổ Mã:

+ Các khu vực phát triển đô thị mới: Tập trung các diện tích mặt nước để tạo giá trị cảnh quan và đảm bảo chất lượng môi trường. Tổ chức các trung tâm dịch vụ công cộng ven biển để làm tăng giá trị chung của toàn khu vực; bố trí sử dụng đất đa năng trong mỗi khu vực, hạn chế các khu vực cao cấp, khép kín trong hàng rào ở tỷ lệ hợp lý và hiệu quả; nâng cao mật độ dân cư và sử dụng đất trong các khu đất xây dựng đô thị, đảm bảo mật độ dân số chung trong toàn khu cũng như hiệu quả cho tổ chức giao thông công cộng; phân đợt đầu tư và chuyển đổi chức năng sử dụng đất hợp lý, phù hợp với nhu cầu thực tế để đảm bảo hiệu quả sử dụng đất.

+ Các khu vực dân cư hiện hữu tại Tu Bông: Lập quy hoạch chi tiết, bảo đảm điều kiện nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho các khu vực dân cư hiện hữu, bố trí khu ở cho một bộ phận lao động nhập cư và cho người dân địa phương. Quy hoạch hệ thống cây xanh cảnh quan giữa khu vực hiện hữu và khu vực phát triển mới, giữ bản sắc và làm vùng đệm hỗ trợ thoát nước và chuyển tiếp cốt nền xây dựng giữa các khu vực. Tuyến đường nối từ khu vực đầu bán đảo Hòn Gồm đi Vạn Giã, Ninh Hòa, được quy hoạch phía Đông Nam khu dân cư hiện hữu tại Tu Bông.

- Khu vực thị trấn Vạn Giã và vùng phụ cận:

+ Tiếp tục khai thác và nhấn mạnh cấu trúc giao thông và đô thị hướng ra vịnh Vân Phong; phát huy và bổ sung hệ thống trung tâm đô thị tập trung ven Vịnh.

+ Tập trung khai thác đô thị mật độ cao tại khu trung tâm thị trấn Vạn Giã và các khu vực lân cận.

+ Khu vực làng xóm nằm phía Bắc và phía Tây thị trấn được nâng cấp cải tạo theo cấu trúc hiện hữu, giữ lại các vùng sản xuất nông nghiệp nằm đan xen giữa các khu làng xóm, bảo vệ và nhấn mạnh đường ranh giới của các khu làng bằng các giải pháp trồng cây xanh.

+ Tập trung các khu đô thị mới và khu công nghiệp tập trung tại khu vực Vạn Thắng, Vạn Khánh nằm phía Bắc thị trấn.

- Khu vực Đông Bắc Ninh Hòa và Lạc An:

+ Khu vực Đông Bắc Ninh Hòa: Phát triển theo cấu trúc đô thị hướng Vịnh, đưa không gian mặt nước vào sâu trong các khu đô thị; khai thác điểm hội tụ của các suối nhỏ, tổ chức các khu trung tâm gắn với không gian mặt nước Vịnh và mặt nước hồ; khuyến khích phát triển đô thị mật độ cao nhưng không nhất thiết là các công trình cao tầng.

+ Khu vực Lạc An: Cải tạo nâng cấp các khu dân cư hiện hữu, bổ sung một số khu vực xây dựng mới như: Trung tâm hành chính, công trình dịch vụ công cộng..., gắn với khu đô thị Đông Bắc Ninh Hòa. Không phát triển đô thị tập trung tại khu vực này.

- Khu vực Dốc Lết:

+ Định hướng phát triển thành trung tâm du lịch cộng đồng, với nhiều loại hình và quy mô dịch vụ khác nhau, hỗ trợ cho trung tâm dịch vụ lưu trú tại thành phố Nha Trang.

+ Khuyến khích chuyển đổi các khu dịch vụ du lịch dạng resort thành không gian dịch vụ đa dạng và sinh động, bao gồm các khu nhà ở kết hợp dịch vụ dạng phố du lịch.

+ Cải tạo cấu trúc làng chài hiện trạng, tham gia vào thị trường du lịch, đồng thời duy trì được các hoạt động đánh bắt thủy sản, ổn định cuộc sống của người dân.

+ Kết hợp hoạt động sản xuất muối và hoạt động du lịch.

- Khu vực đô thị trung tâm cũ của thị xã Ninh Hòa và vùng phụ cận:

+ Phát triển đô thị ở mức độ hạn chế, khai thác giá trị dịch vụ của đô thị theo mô hình nhà vườn truyền thống.

+ Chỉ tôn nền vượt lũ đối với các tuyến đường nằm xuôi theo hướng nước chảy, các tuyến cắt qua đường nước chảy cần tổ chức dạng đập tràn.

- Khu vực hai bên quốc lộ 26B:

+ Phát triển đô thị tập trung với quy mô phát triển đô thị phù hợp với dự báo và cân đối phân bố dân cư trong Khu kinh tế;

+ Xây dựng đô thị với cấu trúc tựa núi Hòn Hèo, mở xuống khu vực đồng trũng phía Bắc và hướng ra biển phía Đông Bắc, qua khu dân cư Ninh Thủy.

- Khu vực phía Đông và Đông Bắc Hòn Hèo - trung tâm công nghiệp Ninh Phước: Tập trung các cơ sở sản xuất công nghiệp khai thác lợi thế tiếp cận các khu vực có thể xây dựng cảng nước sâu, được núi Hòn Hèo che chắn.

7. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường bộ:

. Xây dựng tuyến cao tốc Hà Nội - Hồ Chí Minh quy mô 04 làn xe và nâng cấp các tuyến quốc lộ như quốc lộ 1A, quốc lộ 26, quốc lộ 26B đạt tiêu chuẩn cấp I đồng bằng;

. Xây dựng đường hầm đèo Cả và hầm đèo Cổ Mã;

. Cải tạo, nâng cấp, kết hợp xây dựng mới đường bộ ven biển;

. Cải tạo, nâng cấp, kết hợp xây dựng mới hệ thống tỉnh lộ: Đường tỉnh 651B, đường tỉnh 651C, đường tỉnh 651D, đường tỉnh 651E, đường tỉnh 651G, đường tỉnh 652, đường tỉnh 652B, đường tỉnh 652C, đường tỉnh 652D (tỉnh lộ 1B cũ), đường tỉnh 652G.

+ Đường sắt:

. Cải tạo, nâng cấp, đường sắt quốc gia Bắc - Nam đoạn qua khu vực Khu kinh tế; nghiên cứu và cải tạo, nâng cấp các ga đường sắt hiện có theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam.

+ Đường thủy:

. Xây dựng cảng trung chuyển container quốc tế Vân Phong; cảng nước sâu phục vụ công nghiệp, kho tàng tại Đông Hòn Hèo và tại khu vực Hòn Khói phù hợp với quy hoạch phát triển cảng biển;

. Xây dựng mới bến thủy nội địa tại các điểm đô thị và các khu du lịch.

- Công trình giao thông:

+ Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các cầu trên các tuyến đường, đảm bảo tải trọng và mỹ quan.

+ Xây dựng hệ thống bến xe đáp ứng nhu cầu nội bộ Khu kinh tế và nhu cầu kết nối đi các huyện, các tỉnh trong vùng.

- Giao thông khu kinh tế:

+ Các khu đô thị cũ (Vạn Giã, nội thị Ninh Hòa): Nâng cấp, cải tạo kết hợp xây dựng mới một số tuyến trục chính tạo nên hệ thống giao thông liên hoàn.

+ Xây dựng các tuyến trục chính tại Khu trung tâm dịch vụ tổng hợp Hòn Gốm, Khu đô thị dịch vụ Tuần Lễ - Hòn Ngang, Khu đô thị Tu Bông, Khu đô thị và dân cư Đông Bắc - Ninh Hòa, Khu đô thị phía Đông thị xã Ninh Hòa.

+ Cải tạo, nâng cấp trục đường chính chạy song song với QL 1A, nối đô thị Vạn Giã với đô thị Tu Bông (đường Nguyễn Huệ) (Tuyến D1).

+ Cải tạo, nâng cấp kết hợp xây dựng mới tuyến đường chạy ven biển gắn kết các đô thị từ phía Bắc xuống phía Nam (Vạn Giã, Đông Bắc Ninh Hòa, nội thị Ninh Hòa).

+ Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Đông Tây nối quốc lộ 1A, qua khu đô thị Đông Bắc Ninh Hòa đi khu vực Hòn Khói và tuyến đường Đông Tây nối trung tâm thị xã Ninh Hòa với khu du lịch Dốc Lết.

+ Bãi đỗ xe: Xây dựng bãi đỗ xe tại các trung tâm dịch vụ công cộng, vui chơi giải trí, tại các đầu mối chuyển tiếp các loại hình giao thông như: Ga, đường sắt, bến đò, bến thủy nội địa.

- Giao thông công cộng:

+ Xây dựng hệ thống giao thông công cộng với phương tiện chủ yếu là xe buýt, kết nối các trung tâm hoạt động chính: Kết nối Khu bán đảo Hòn Gốm, khu dịch vụ Tuần Lễ - Hòn Ngang, Khu vực Tu Bông, Vạn Giã, trung tâm thị xã Ninh Hòa, Khu vực Dốc Lết, Khu công nghiệp Đông Hòn Hèo.

b) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- San nền:

Cao độ nền xây dựng không chế phù hợp với các quy chuẩn hiện hành, chức năng sử dụng đất, phù hợp với từng loại độ dốc, điều kiện thủy, hải văn tại từng vị trí khác nhau. Cao độ xây dựng được không chế như sau:

+ Tại thị trấn Vạn Giã $\geq +3,0$ m.

+ Lưu vực sông Tô Giang (các xã Đại Lãnh, Vạn Thọ, Vạn Khánh): $\geq +3,0$ m.

+ Lưu vực sông Đồng Điền (xã Vạn Thắng): $\geq +3,5$ m.

+ Lưu vực sông Hiền Lương (các xã Vạn Lương, Xuân Sơn và thị trấn Vạn Giã): $\geq +3,2$ m.

+ Khu vực Ninh Thủy, Ninh Phước: $\geq +3,0$ m.

+ Khu vực trung tâm thị xã Ninh Hòa (xã Ninh Đa, xã Ninh Giang và Phường Ninh Hiệp): $\geq +3$ m.

+ Khu vực các đảo:

. Khu vực Đầm Môn, phía Tây Hòn Gốm: $\geq +3,0$ m.

. Khu vực phía Đông Hòn Gốm: $\geq +3,84$ m.

. Khu cảng Đầm Môn lấy theo cao độ dự án xây dựng cảng.

. Khu vực lấn bãi biển ở vịnh Cổ Cò: $\geq +2,5$ m.

. Các bãi biển thuộc Hòn Lớn có cao độ từ 2 - 8 m, chỉ cần san gạt cục bộ.

- Thoát nước mưa:

+ Hệ thống cống thoát nước mưa hỗn hợp: Hệ thống cống chung cho các khu vực xây dựng cũ, trước miệng xả có giếng tách, cống bao để thu nước bản đưa về khu xử lý tập trung; hệ thống cống thoát nước mưa riêng tại các khu vực xây mới tập trung.

+ Hướng thoát: Nước mưa từ các khu vực được tập trung vào hệ thống cống dẫn về các sông, suối, kênh, rạch rồi ra biển.

+ Phân chia lưu vực thoát nước phù hợp với địa hình tự nhiên, giảm tiết diện cống thoát nước. Khu vực huyện Vạn Ninh được tổ chức theo 03 lưu vực thoát nước; khu vực thuộc thị xã Ninh Hòa được tổ chức theo 03 lưu vực thoát nước.

+ Nạo vét, mở rộng, kè các trục tiêu chính, bảo đảm thoát nước.

- Các giải pháp kỹ thuật khác:

- + Xây dựng các hồ: Đại Lãnh, Tân Dân, Đồng Điền, Suối Đá, Ea Sa.
- + Nạo vét, kè một số đoạn bờ sông, nạo vét cửa sông; mở rộng khẩu độ cống qua đường, bổ sung cống mới để đảm bảo thoát lũ.
- + Xây dựng kè chống xói lở, chống sóng ở một số khu vực đô thị ven biển.
- + Kè bờ lấn biển, chống cát chảy, xói lở bờ khu vực đô thị Tu Bông.
- + Trồng cây để chống cát bay khu vực bán đảo Hòn Gốm.
- + Xây đê ngăn mặn ở hạ lưu các sông.
- + Trồng và bảo vệ khu vực rừng ngập mặn khu vực Vạn Ninh và bán đảo Hòn Gốm.
- + Khuyến khích xây dựng các bể chứa nước mưa tại các tòa nhà lớn.
- + Xây dựng hồ điều hòa tại các khu đô thị mới, những khu nghỉ dưỡng, khu công nghiệp, phù hợp với điều kiện địa chất.

c) Quy hoạch cấp điện:

- Xây dựng Trung tâm điện lực tại phía Nam vịnh Vân Phong, gồm 02 nhà máy nhiệt điện than tổng công suất 2.640 MW. Giai đoạn đầu: Công suất 2x660 MW, được đấu nối với lưới điện quốc gia qua 02 cấp điện áp 220 KV và 500 KV. Giai đoạn dài hạn: Công suất tăng thêm 2x660 MW, xây dựng trạm 500 KV công suất 2x450 MVA để truyền tải điện của nhà máy lên lưới điện quốc gia 500 KV.

- Nguồn điện và lưới truyền tải:

+ Cải tạo tuyến 220 KV, 110 KV Tuy Hòa - Nha Trang đi sát khu vực vịnh Vân Phong thành đường dây mạch kép 220 KV và gộp 01 mạch 110 KV.

+ Xây dựng các tuyến đường dây rẽ nhánh 500 KV, 220 KV từ đường dây 500 KV Quy Nhơn - Ninh Thuận, 220 KV Tuy Hòa - Nha Trang, cấp điện cho trạm 500 KV Vân Phong và Trung tâm điện lực Vân Phong.

+ Xây dựng thêm tuyến 110 KV bổ xung cho tuyến 110 KV hiện có. Cải tạo tuyến 110 KV hiện có để đảm bảo an toàn truyền tải điện trong khu vực.

+ Xây dựng tại khu vực Vịnh Vân Phong 01 trạm 220 KV, đặt tại khu vực huyện Ninh Hòa, có công suất là:

. Giai đoạn đầu (2020): 220/110/22 KV - 2x125 MVA;

. Giai đoạn dài hạn(2030): 220/110/22 KV- 2x250 MVA.

l

Trạm 220 KV này được cấp điện từ trạm nguồn 500 KV Vân Phong và đầu rẽ nhánh vào đường dây 220 KV Nha Trang - Tuy Hòa và đây là nguồn điện chính cấp cho các trạm 110 KV trong khu vực.

+ Bổ sung thêm nguồn điện từ nhà máy phong điện Vạn Thạnh, dự kiến xây dựng tại bán đảo Hòn Gôm, công suất 112 MW, đầu nối chuyển tiếp với đường dây 110 KV, cấp điện cho trạm 110 KV Vân Phong.

+ Cải tạo 03 trạm biến áp 110 KV và xây dựng mới 8 trạm biến áp 110 KV với tổng công suất đến năm 2020 là: 689 MVA và tổng công suất đến năm 2030 là: 957 MVA.

- Giải pháp đầu nối các trạm 110 KV xây mới:

+ Đầu nối vào trạm 110 KV Đầm Môn: Giai đoạn đầu sử dụng đường dây trên không mạch kép, trong tương lai sẽ được hạ ngầm. Điểm đầu lộ thứ nhất là tuyến 110 KV hiện có, lộ thứ hai là tuyến 110 KV dự kiến xây mới. Trạm 110 KV Đầm Môn 02 sẽ được đầu chuyển tiếp sau trạm 110 KV Đầm Môn bằng cáp ngầm 110 KV.

+ Đầu nối vào trạm 110 KV Vạn Thắng, trạm 110 KV cảng Hòn Khôi và trạm 110 KV Dốc Đá Trắng bằng cách đầu chuyển tiếp trên tuyến 110 KV mới.

+ Các trạm 110 KV khu đô thị mới Ninh Thủy, trạm 110 KV khu công nghiệp Ninh Thủy, trạm 110 KV Nhà máy lọc dầu Ninh Phước - Mỹ Giang đầu chuyển tiếp trên đường dây 110 KV Ninh Hòa - Nha Trang hiện có và đầu nối vào Trung tâm điện lực Vân Phong.

- Lưới điện phân phối:

Khu kinh tế Vân Phong sẽ sử dụng lưới điện phân phối 22 KV.

Trong các khu vực đô thị và du lịch: Các tuyến đường dây 22 KV và hạ thế xây dựng mới phải sử dụng cáp ngầm.

Khu vực nông thôn: Lưới trung thế và hạ thế sử dụng đường dây nổi. Các trạm lưới 22 KV có thể sử dụng loại trạm treo, trạm một pha, phù hợp với công suất phụ tải.

Lưới điện chiếu sáng trong các khu ở được bố trí đi cùng cột với lưới điện hạ thế, lưới điện chiếu sáng trong các khu trung tâm dùng cáp ngầm.

d) Quy hoạch cấp nước:

- Nhà máy nước:

+ Duy trì công suất của các nhà máy nước ngầm hiện có.

+ Nâng công suất nhà máy nước Vạn Giã lên 39.000 m³/ngày đêm, nguồn nước hồ Đồng Điền.

+ Xây mới các nhà máy nước: Nhà máy nước Đại Lãnh công suất 2.000 m³/ngày đêm, nguồn nước hồ Đại Lãnh; nhà máy nước Tu Bông công suất 50.000 m³/ngày đêm, nguồn nước hồ Hoa Sơn và hồ Đồng Điền; nhà máy nước HYUNDAI VINASHIN công suất 6.000 m³/ngày đêm, nguồn nước hồ Hòn Khói; nhà máy nước Ngọc Sơn công suất 51.500 m³/ngày đêm, nguồn nước hồ Đá Bàn và hồ Đồng Điền.

- Hệ thống đường ống:

Phát triển mạng lưới đường ống cấp nước phù hợp với quy mô công suất từng nhà máy nước và nhu cầu cấp nước của từng khu vực. Các tuyến ống cấp nước theo tuyến đường chính có đường kính ống từ Ø100mm - Ø600mm.

đ) Quy hoạch thu gom và xử lý nước thải (XLNT):

- Xây dựng hệ thống cống riêng hoàn toàn. Nước thải được thu gom theo nguyên tắc tự chảy.

- Các trạm XLNT: Xây dựng 07 trạm XLNT sinh hoạt với tổng công suất khoảng 36.500 m³/ngày đêm phục vụ cho khu vực dân cư. Xây dựng 08 trạm XLNT công nghiệp với tổng công suất khoảng 74.000 m³/ngày đêm phục vụ cho khu vực công nghiệp. Các khu du lịch: Xử lý nước thải cục bộ theo công trình hoặc nhóm công trình. Khu vực nông thôn: Khuyến khích sử dụng bể tự hoại, tận dụng xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên. Nước thải các khu công nghiệp sạch quy mô nhỏ thu gom và xử lý cùng nước thải sinh hoạt.

- Nước thải sau trạm XLNT sinh hoạt tập trung và nước thải sau trạm XLNT công nghiệp tập trung đạt theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

e) Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn (CTR):

- CTR đô thị và công nghiệp cần phân loại tại nguồn. CTR công nghiệp không nguy hại ưu tiên tận thu, tái sử dụng, trao đổi hoặc bán lại cho các cơ sở sản xuất khác. CTR y tế, CTR công nghiệp nguy hại xử lý bằng lò đốt đạt tiêu chuẩn môi trường. CTR trang trại ưu tiên tái sử dụng để phục vụ sản xuất.

- Xây dựng mới khu xử lý CTR Bắc Vân Phong, quy mô 30 ha; khu xử lý CTR Nam Vân Phong, quy mô 30 ha.

- Xây dựng mô hình khu liên hợp xử lý CTR bao gồm khu chôn lấp hợp vệ sinh, nhà máy chế biến phân hữu cơ, lò đốt CTR nguy hại.

- Tiếp tục sử dụng khu xử lý CTR Ninh An, phục vụ thị xã Ninh Hòa.

- Xây dựng khu xử lý CTR tro xỉ nhiệt điện với quy mô khoảng 103 ha.

- Xây dựng khu xử lý hạt NIX bao gồm khu lưu giữ, nhà máy tái chế với quy mô khoảng 25 ha.

g) Quy hoạch nghĩa trang:

Xây dựng nghĩa trang Bắc Vân Phong quy mô khoảng 30 ha, nghĩa trang Vạn Ninh quy mô khoảng 15 ha. Mở rộng nghĩa trang Nam Vân Phong lên khoảng 60 ha. Xây dựng nhà hỏa táng tại nghĩa trang Nam và Bắc Vân Phong. Đóng cửa nghĩa trang Hòn Vung, Dốc Ké, cải tạo thành công viên nghĩa trang. Chấm dứt việc mai táng tự do, đóng cửa, trồng cây xanh cách ly các nghĩa địa không theo quy hoạch, tiến tới di dời về các nghĩa trang tập trung khi cần thiết.

h) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Hệ thống chuyên mạch: Loại bỏ dần công nghệ cũ để xây dựng hệ thống mới, sử dụng công nghệ mới.

- Truyền dẫn: Đảm bảo các đường trung kế giữa các tổng đài là cáp quang tạo thành mạch vòng (ring) nhằm đáp ứng được nhu cầu thông tin, đồng thời tạo điều kiện mở rộng các loại hình dịch vụ như truyền hình cáp, Internet băng thông rộng,...

- Hạ tầng mạng ngoại vi:

+ Hạ ngầm các loại cáp để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan cho khu vực nghiên cứu và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác.

+ Dùng thiết bị đồng bộ với những thiết bị đã có, để giảm chi phí cho việc khai thác, bảo dưỡng và quản lý, lắp đặt mới thiết bị.

- Mạng di động: Bổ sung thêm trạm thu phát sóng di động (BTS). Các nhà cung cấp phải phối hợp khai thác trên cùng trạm có sẵn, tiết kiệm tài nguyên. Phổ biến công nghệ 3G/4G.

- Hệ thống bưu chính:

+ Nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ. Kết hợp dịch vụ bưu chính với viễn thông và công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả phục vụ.

+ Phát triển bưu chính theo hướng hiện đại hóa, tăng cường các trang thiết bị hiện đại, cơ giới hóa, tự động hóa, đảm bảo nhu cầu thông tin liên lạc nhanh, hiệu quả và đảm bảo an toàn, bí mật thông tin.

8. Quy hoạch xây dựng đợt đầu đến năm 2020:

a) Quy hoạch sử dụng đất: Đẩy mạnh đầu tư các dự án đã giao phát triển các khu chức năng của Khu kinh tế.

b) Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Các dự án đào tạo lao động, nguồn nhân lực.
- Các dự án phát triển cảng và công nghiệp khai thác lợi thế gắn với cảng biển nước sâu, nhưng không đòi hỏi cung cấp lượng nước ngọt lớn tại khu vực phía Nam và phía Bắc Vân Phong, đặc biệt là các dự án: Tổ hợp lọc hóa dầu và trung tâm nhiệt điện tại Nam Vân Phong.
- Các dự án phục hồi rừng và hệ sinh thái ngập mặn, rạn san hô, phát triển không gian và dịch vụ du lịch cộng đồng.
- Các dự án phát triển các tuyến giao thông công cộng liên khu vực trong Khu kinh tế và nối với các trung tâm đô thị lớn trong Tỉnh cũng như trong vùng Nam Trung Bộ.
- Các dự án cải tạo, nâng cấp các khu dân cư và đô thị hiện có và xây dựng các khu đô thị mới ven mặt nước theo cấu trúc đô thị mở, khuyến khích du lịch cộng đồng.
- Các dự án phát triển các nguồn năng lượng sạch: Phong điện, năng lượng mặt trời và các nguồn năng lượng tái tạo khác.
- Xây dựng tuyến tránh quốc lộ 1A kết nối hầm đường bộ qua đèo Cả...
- Nạo vét, khơi thông các trục tiêu thoát chính, bổ sung cầu, cống qua đường sắt và quốc lộ 1A để đảm bảo thoát lũ cho khu vực Ninh Hòa.
- Xây dựng các hồ thủy lợi tại thượng lưu các sông.
- Trồng rừng đầu nguồn.
- Xây dựng các nhà máy xử lý nước cho các khu dân cư và khu công nghiệp.
- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho các khu dân cư.
- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho các khu công nghiệp tập trung.
- Xây dựng các khu xử lý CTR và nghĩa trang phía Bắc, phía Nam Vân Phong.

- Giai đoạn đến năm 2016 tập trung cho khu vực Nam Vân Phong, với các dự án trọng điểm - ưu tiên đầu tư như: Tổ hợp lọc hóa dầu; trung tâm nhiệt điện; các trục đường giao thông ven biển...

9. Các biện pháp bảo vệ môi trường:

- Khắc phục tình trạng ô nhiễm, bảo vệ môi trường, cảnh quan các khu công nghiệp hiện trạng. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết từng khu công nghiệp, cơ sở sản xuất đăng ký đầu tư mới.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đặc biệt là các công trình xử lý CTR, nước thải, nghĩa trang tập trung.

- Xây dựng dải cây xanh cách ly dọc các tuyến giao thông chính đoạn đi qua các khu dân cư tập trung; các khu công nghiệp, trạm XLNT, nghĩa trang, khu xử lý CTR... theo quy định.

- Giám sát các hoạt động đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, có phương án thu gom và xử lý chất thải.

- Cấm mọi hoạt động xả thải dưới mọi hình thức từ các tàu biển, các phương tiện tham gia giao thông đường thủy.

- Các hoạt động du lịch biển đảo phải được tổ chức theo quy hoạch.

- Bảo vệ môi trường tự nhiên, khu công nghiệp, đô thị, nông nghiệp nông thôn, bảo vệ đa dạng sinh học và ứng phó biến đổi khí hậu.

- Xây dựng rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng phòng hộ và chắn cát ven biển đặc biệt tại khu vực bán đảo Hòn Gốm, hạn chế ảnh hưởng của hiện tượng cát bay, cát chảy.

- Kiểm soát việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học trong canh tác nông nghiệp của người dân.

- Đẩy mạnh và phát triển rộng rãi phong trào giáo dục môi trường trong nhân dân nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về vấn đề vệ sinh môi trường và ý thức bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các chương trình giám sát chất lượng môi trường.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

1. Ban hành Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2030 được phê duyệt.

2. Phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức công bố công khai đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2030.

3. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, các khu dân cư nông thôn,... phù hợp đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2030.

4. Xây dựng cơ chế chính sách, nguồn lực tài chính, nhân lực, thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật để Khu kinh tế trở thành động lực phát triển của tỉnh Khánh Hòa và các khu vực phụ cận.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Quốc phòng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Khánh Hòa;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TIẾT, các Vụ: TH, V.III, KTTH;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).KN 39



**KT. THỦ TƯỚNG
PH. THỦ TƯỚNG**

Hoàng Trung Hải

PHỤ LỤC 2

CÁC SỐ LIỆU VÀ BÁO CÁO CHUYÊN NGÀNH

1. Các tài liệu về tham vấn cộng đồng
2. Khảo sát Kinh tế - xã hội
3. Kế hoạch tái định cư
4. Kết quả phân tích môi trường
5. Báo cáo hệ sinh thái

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

BIÊN BẢN BUỔI THAM VẤN

**VỀ NỘI DUNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA NHÀ
MÁY NHIỆT ĐIỆN VÂN PHONG 1**

Ninh Phước, ngày 28 tháng 10 năm 2014

Hôm nay, vào hồi 9 giờ ngày 28 tháng 10 năm 2014 tại xã Ninh Phước huyện Ninh Hòa, Chủ đầu tư phối hợp với UBND xã Ninh Phước tổ chức buổi tham vấn ý kiến của các cơ quan, tổ chức và người dân chịu ảnh hưởng về nội dung của Báo cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Nhà máy nhiệt điện (NMNĐ) Vân Phong 1.



A. THÀNH PHẦN THAM GIA BUỔI THAM VẤN:

1. Đại diện chủ đầu tư, Tổ hợp Chủ đầu tư SUMITOMO/HANOINCO:

- + Bà Bùi Thị Hồng Khánh, Phó trưởng phòng Điện, Sumitomo Việt Nam.
- + Ông Nguyễn Trung Kiên, Điều phối dự án, Sumitomo Việt Nam.

2. Đại diện đơn vị tư vấn lập Báo cáo Đánh giá tác động môi trường, Viện Năng lượng:

- + Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, trưởng phòng Môi trường, Trung tâm tư vấn Nhiệt điện, Điện hạt nhân và Môi trường, Viện Năng lượng.
- + Ông Trịnh Hoàng Long, chuyên viên phòng Môi trường, Trung tâm tư vấn Nhiệt điện, Điện hạt nhân và Môi trường, Viện Năng lượng.
- + Ông Hoàng Minh Hiếu, chuyên viên phòng Môi trường, Trung tâm tư vấn Nhiệt điện, Điện hạt nhân và Môi trường, Viện Năng lượng.

3. Đại diện các tổ chức, cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng:

- + Bà Đỗ Thị Dù, Chủ tịch UBND xã Ninh Phước, huyện Ninh Hòa
- + Ông Hà Thành, Phó Chủ tịch UBND xã Ninh Phước, huyện Ninh Hòa
- + Ông Hồ Văn Thuận, Phó Chủ tịch UBND xã Ninh Phước
- + Bà Nguyễn Thị Hoa Hồng, Chủ tịch UB mặt trận Tổ quốc xã Ninh Phước
- + Ông Nguyễn Văn Sáng, Phó Chủ tịch UB mặt trận Tổ quốc xã Ninh Phước
- + Ông Đỗ Hữu Ninh, Phó Chủ tịch Hội Nông dân
- + Ông Hà Luân, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân
- + Ông Võ Thành Vũ, Phó ban Tuyên giáo xã Ninh Phước

- + Ông Huỳnh Tấn Khải, Trưởng ban Mặt trận Tổ quốc thôn Ninh Yên
- + Ông Đỗ Kim Hùng, Trưởng thôn Mỹ Giang, xã Ninh Phước
- + Ông Nguyễn Ngọc Rạng, Phó trưởng thôn Ninh Tịnh
- + Ông Trần Văn Minh, Trưởng ban, chủ tịch mặt trận thôn Ninh Tịnh
- + Bà Võ Thị Thanh Hương, Trưởng trạm Y tế xã Ninh Phước
- + Ông Đỗ Mậu Hoàng, Hội Cựu chiến binh xã Ninh Phước
- + Bà Nguyễn Thị Mỹ Khiêm, Phó bí thư Đoàn thanh niên xã Ninh Phước
- + Ông Nguyễn Văn Bền, Chủ tịch Hội Người cao tuổi xã Ninh Phước
- + Nguyễn Ngọc Phụng, Trưởng Công an xã Ninh Phước
- + Ông Nguyễn Nam, Phó đồn trưởng nghiệp vụ đồn biên phòng 364
- + Ông Ngô Cao Luận, Trường Tiểu học Ninh Phước
- + Đại diện các hộ dân chịu ảnh hưởng thuộc 02 thôn Mỹ Giang và Ninh Yên.

B. NỘI DUNG BUỔI THAM VẤN

1. Bà Đỗ Thị Dù, Chủ tịch UBND xã Ninh Phước lên tuyên bố lý do và mục đích của buổi tham vấn và xin ý kiến của những cơ quan, tổ chức chịu ảnh hưởng đóng góp ý kiến cho các nội dung trong Báo cáo ĐTM của dự án.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, trình bày nội dung chính của dự án và các tác động của dự án có thể gây ra đối với môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội.

3. Ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức chịu ảnh hưởng về nội dung Báo cáo ĐTM của dự án NMNĐ Vân Phong 1:

- Bà Đỗ Thị Dù có một số ý kiến góp ý một số ý kiến như sau:

- + Căn cứ luật Bảo vệ Môi trường cũ sắp hết hạn nên cần phải cân nhắc các căn cứ trong trường hợp Báo cáo chưa kịp thông qua trước ngày 1 tháng 1 năm 2015.

- + Suối Cái dễ chảy bình thường hay lấp đi vì nếu lấp đi sẽ gây ra ảnh hưởng lớn, đề nghị đơn vị tư vấn lưu ý vấn đề này

- + Phát tán khói thải được dự báo ảnh hưởng trong bán kính 8km và hầu như che kín khu vực hiện tại nên mọi người sẽ phải di dời.

- + Báo cáo đã đưa ra được các tác động có thể gây ra của dự án. Tuy nhiên, chủ đầu tư cần phải cam kết và thực hiện tuân thủ các luật, các quy định về bảo vệ môi trường của dự án.

- + Việc đổ bùn ở phía Bắc và phía Đông của Hòn Đò thì được chứ không được đổ thải ở phía Nam và phía Tây của đảo Hòn Đò do bà con đánh bắt ở khu vực này nên chủ đầu tư cần cân nhắc vấn đề này.

- Ông Nguyễn Ngọc Rạng, Phó trưởng thôn Ninh Tịnh thắc mắc dòng nước thải có ảnh hưởng đến chỗ bà con nuôi trồng thủy sản hay không?

- Ông Nguyễn Văn Bền, Chủ tịch Hội Người cao tuổi: do phát thải khói bụi rất xa và ảnh hưởng đến môi trường không khí và liệu có ảnh hưởng đến sức khỏe hay không?

- Ông Đỗ Hữu Minh, Phó chủ tịch Hội Nông dân thắc mắc: con em chúng tôi cần học ngành gì để sau này có thể được nhận vào nhà máy?

- Bà Nguyễn Thị Hoa Hồng, Chủ tịch UBMTTQ xã có một số ý kiến

+ Về mặt cá nhân tôi không tin tưởng lắm về đánh giá tác động môi trường vì hiện nay có một số công ty trên địa bàn đã gây ảnh hưởng đến rạn san hô như rạn san hô ở gần công ty Hyundai, nuôi trồng thường xuyên xảy ra dịch bệnh. Tuy nhiên, người dân không có nhiều kiến thức về môi trường nên nhờ hết vào chủ đầu tư và mong muốn chủ đầu tư thực hiện đúng các cam kết đã nêu ra trong báo cáo ĐTM.

+ Sử dụng lao động của địa phương, do trình độ người dân không cao lắm nên người dân địa phương chỉ vào làm các công việc đơn giản trong nhà máy có được không?

- Ông Đỗ Kim Hùng, trưởng thôn Mỹ Giang, có một số ý kiến

+ Kế hoạch nhà máy đưa ra cần phải được thực hiện cho đúng theo cam kết do hiện tại các công ty thực hiện trong khu vực hiện đang không tuân thủ các cam kết về môi trường.

+ Do khu vực chịu ảnh hưởng chính của nhà máy là khu vực thôn Mỹ Giang và Ninh Yên và cũng muốn khẳng định là các tác động của nhà máy liệu có ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân trong khu vực không?

Sau khi nghe ý kiến của người dân, bà Nguyễn Thị Thu Huyền giải trình một số ý kiến của người dân như sau:

- Về các căn cứ lập báo cáo ĐTM, do luật mới được áp dụng từ năm 2015 và đơn vị tư vấn cũng đã tham khảo ý kiến từ các chuyên gia của Bộ Tài nguyên và Môi trường và vẫn tuân thủ theo Luật Bảo vệ Môi trường hiện đang còn hiệu lực.

- Về việc đổ thải, hiện tại bà con thắc mắc là môi trường nước không đảm bảo, ảnh hưởng đến chất lượng nước biển làm ảnh hưởng đến việc đánh bắt, nuôi trồng của bà con có thể là do các cơ quan hiện đang hoạt động không tuân thủ việc đổ thải đúng nơi quy định và trong dự án này, chủ đầu tư cam kết đổ thải theo đúng địa điểm và theo đúng quy định của pháp luật cũng như những biện pháp được đưa ra trong báo cáo ĐTM.

- Về việc có lắp con suối Cái hay không? Theo như dự án đầu tư dự án và chủ đầu tư dự kiến là sẽ nắn dòng suối này chứ không lắp để đảm bảo hoạt động của mạng lưới thủy văn trong khu vực.

- Về tác động của khói, bụi liệu sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân. Tuy nhiên, do chủ đầu tư đã đầu tư các trang thiết bị xử lý môi trường và theo kết quả tính toán của tư vấn thì nồng độ các chất gây ô nhiễm môi trường đều dưới tiêu chuẩn thải được quy định trong Quy chuẩn Việt Nam về môi trường không khí xung quanh.

- Các nhà máy đang hoạt động đã gây ảnh hưởng đến người dân do không thực hiện đúng cam kết nên gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và theo kết quả khảo sát của Trung tâm Quan trắc môi trường tỉnh Khánh Hòa trong dự án này cho thấy không còn mức độ đa dạng sinh học như 10 năm trước đây. Tuy nhiên, chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện đúng các biện pháp được trình bày trong báo cáo ĐTM và sau này người dân cũng sẽ dựa trên những biện pháp giảm thiểu được nêu ra trong báo cáo ĐTM để giám sát.

Ông Nguyễn Trung Kiên, Đại diện của Chủ đầu tư có một số ý kiến như sau:

- Chủ đầu tư rất muốn được xây dựng nhà máy nhiệt điện và cũng đã nhận được sự ủng hộ của chính quyền địa phương, của thị xã, của khu kinh tế cũng như của UBND tỉnh.

- Chủ đầu tư sẽ sử dụng các thiết bị bảo vệ môi trường đạt tiêu chuẩn môi trường của các tổ chức cho vay như Ngân hàng Thế giới vốn rất chặt chẽ về các tiêu chuẩn đặt ra cả về tài chính và môi trường.

- Cam kết thực hiện tốt các biện pháp được nêu ra trong báo cáo ĐTM của dự án và hy vọng có thể xây dựng dự án sớm nhất có thể và rất mong muốn nhận được sự ủng hộ của các cơ quan, chính quyền, đoàn thể và bà con trong khu vực.

Bà Đỗ Thị Dù tóm tắt buổi tham vấn và tuyên bố bế mạc buổi hội thảo.

Biên bản đã được toàn thể hội nghị thống nhất và thông qua.

Buổi họp tham vấn kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày./.

ĐẠI DIỆN UBND XÃ

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Dù

Nguyễn Thị Bích Hằng
Nguyễn Thị Bích Hằng

Nguyễn Trung Kiên
Nguyễn Trung Kiên

Đỗ Thị Dù

DANH SÁCH ĐẠI BIỂU

**Tham dự cuộc họp tham vấn cộng đồng
phục vụ công tác lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường NMNĐ Vân Phong 1**


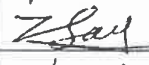

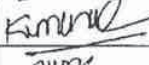
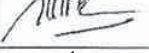


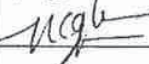


Địa điểm: xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

| STT | Họ và tên | Đơn vị công tác | Ký tên |
|-----|----------------------|-------------------------|--------|
| 1 | Đỗ Thị Dũ | UBND xã Ninh Hòa | |
| 2 | Hà Thanh | KT | |
| 3 | Đỗ Hữu Minh | phòng tiếp nhận dân | |
| 4 | Trần Hải Hải | Phòng TĐ HĐND xã | |
| 5 | Nguyễn Cao Luận | Phòng TĐ Ninh Phước | |
| 6 | Hà Liễn | Phòng TĐ UBND | |
| 7 | Nguyễn Văn | Phòng TĐ huyện | |
| 8 | Hồ Văn Tuấn | PCI. URM | |
| 9 | Đỗ Thị Ngọc | Bí thư (C) xã N. P. H. | |
| 10 | Nguyễn Văn Khoa | Phòng TĐ MT. Ninh Hòa | |
| 11 | Nguyễn Ngọc Đăng | Phòng TĐ Ninh Hòa | |
| 12 | Trần Văn Minh | Phòng TĐ CTMT. Ninh Hòa | |
| 13 | Võ Thị Thanh Hương | Phòng TĐ y tế | |
| 14 | Nguyễn Thị Thu Trang | Văn phòng UBND | |
| 15 | Hà Thị Mỹ Lệ | KT viên | |
| 16 | Đỗ Văn Hoàng | Hội Cựu chiến binh | |
| 17 | Võ Đức Quý | Tư pháp | |
| 18 | Trần Kiên Hùng | Phòng TĐ huyện | |
| 19 | Nguyễn Thị Hoa Hằng | CT Mặt trận xã | |

DANH SÁCH ĐẠI BIỂU

*Tham dự cuộc họp tham vấn cộng đồng
phục vụ công tác lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường NMNĐ Vân Phong 1*

Địa điểm: xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

| STT | Họ và tên | Đơn vị công tác | Ký tên |
|-----|--------------------|----------------------|---|
| 1 | Lê Thị Diễm Phương | Hội phụ nữ |  |
| 2 | Nguyễn Văn Sang | PCT UBND Xã |  |
| 3 | Võ Thành Vũ | PĐ Tuyên giáo |  |
| 4 | Võ Trí Kiên Khang | Kế toán UBND xã |  |
| 5 | Ngô Thị Mỹ Chiêm | P.BT Đoàn Thanh Niên |  |
| 6 | Linh Văn Siêu | P. Tôn Nhân Văn |  |
| 7 | H.P. Lanh | ĐD Nhân dân |  |
| 8 | Nguyễn Ngọc Lệany | T.Độc Công an xã |  |
| 9 | Phạm Bin Sin | P. Chủ tịch Mặt trận |  |
| 10 | Nguyễn Văn Bền | Chủ tịch Hội NCT. |  |
| 11 | | | |
| 12 | | | |
| 13 | | | |
| 14 | | | |
| 15 | | | |
| 16 | | | |
| 17 | | | |
| 18 | | | |
| 19 | | | |



8

**TỔ HỢP NHÀ ĐẦU TƯ
SUMITOMO - HANOINCO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: VPI-SC/LCC-0335

V/v: Tham vấn trong quá trình lập báo
cáo đánh giá tác động môi trường của
dự án NMNĐ Vân Phong 1

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2014

| | |
|--------------------|--|
| VIỆN NĂNG LƯỢNG | |
| Số: 1690 | |
| ĐẾN Ngày: 09/10/14 | |
| Chuyển: 13 | |

Kính gửi: - UBND xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
- Ban quản lý khu kinh tế Vân Phong

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy nhiệt điện Vân Phong 1 (NMNĐ Vân Phong 1) đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 840/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2011, nhưng do một số vướng mắc về thủ tục nên đến nay Dự án vẫn chưa được triển khai xây dựng. Tuy vậy, trong thời gian qua Tổ hợp nhà đầu tư Sumitomo – Hanoinco (sau đây gọi là Chủ đầu tư) vẫn tích cực hoàn tất một số thủ tục pháp lý để triển khai xây dựng dự án, bao gồm cả việc lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án NMNĐ Vân Phong 1 do đã quá thời gian 36 tháng theo quy định trong Nghị định số 29/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/4/2011 quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Hiện nay, Chủ đầu tư đang tiến hành lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án. Để nhận được các ý kiến đóng góp của địa phương về các vấn đề liên quan đến môi trường của dự án theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và đảm bảo sự đồng thuận của địa phương trong quá trình thực hiện, Chủ đầu tư xin gửi đến quý UBND xã Ninh Phước, Ban quản lý khu kinh tế Vân Phong tài liệu tóm tắt về các hạng mục đầu tư chính, các vấn đề môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường được đề xuất cho Dự án và rất mong sớm nhận được ý kiến đóng góp của đại diện các bên liên quan và quan tâm đến dự án về các vấn đề này gồm có: (1) Người dân bị ảnh hưởng trong khu vực dự án NMNĐ Vân Phong 1; (2) Bưu cục Ninh Phước; (3) Đại diện các trường tiểu học Ninh Phước; (4) Đại diện khu du lịch sinh thái Wild Beach Resort, thôn Ninh Tịnh, xã Ninh Phước; (5) Ban Quản lý Khu Kinh tế Vân Phong; (6) Đoàn Biên Phòng; (7) Đại diện các hiệp hội của xã.

Tổ hợp nhà đầu tư Sumitomo – Hanoinco rất mong UBND xã Ninh Phước hỗ trợ và sớm cho ý kiến về dự án, đối tượng tham gia và hình thức tham vấn cộng đồng của Dự án.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện Năng lượng;
- Lưu VP.

Đại diện Tổ hợp Nhà đầu tư



Takeshi Noguchi

Giám đốc Dự án

TÀI LIỆU TÓM TẮT

Về các hạng mục đầu tư chính, các vấn đề môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường của dự án NMNĐ Vân Phong 1

(Kèm theo Văn bản số VP1-SC/LCC-0335 ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Tổ hợp nhà đầu tư Sumitomo – Hanoinco)

I. Thông tin chung

1.1. Địa chỉ của Chủ dự án:

Tên Chủ dự án: Tổ hợp Nhà đầu tư Sumitomo Corporation / Hanoinco

- SUMITOMO CORPORATION

Trụ sở chính: 8-11, Harumi 1-chome, Chuo-ku, Tokyo, 104-8610 Nhật Bản

Số điện thoại: +81-3-5166-6700 Fax.: +81-3-5166-6230, Nhật Bản

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: tòa nhà Corner Stone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84-4-3826-5320; Fax: +84-4-3826-5321

Người đại diện: Ông Takeshi Noguchi

Chức vụ: Giám đốc dự án

E-mail: takeshi.noguchi@sumitomocorp.co.jp

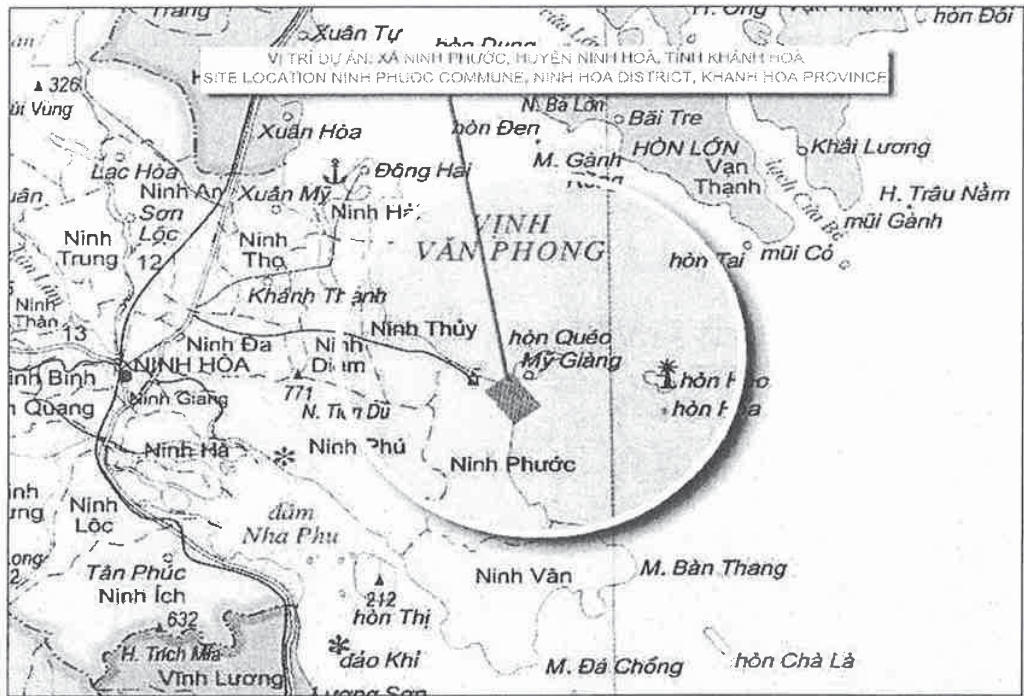
- Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp xây dựng Hà Nội (HANOINCO)

Địa chỉ: 1602-71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84-4-62752596 Fax: +84-62752596

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án

Địa điểm nhà máy được lựa chọn tại địa phận các thôn Mỹ Giang và Ninh Yên, xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hoà, cách thành phố Nha Trang khoảng 53 km.



Hình 1. Sơ đồ vị trí dự án

a. Tọa độ nhà máy:

Kinh độ Đông 109°17'
 Vĩ độ Bắc 12°28'

b. Ranh giới nhà máy

- Phía Bắc nhà máy tiếp giáp với Dự án nhà máy lọc dầu dự kiến của Petrolimex, Kho xăng dầu ngoại quan Mỹ Giang. Cách dự án khoảng 0,95km về phía Bắc là nhà máy đóng tàu Hyundai-Vinashin.
- Góc phía Nam nhà máy là núi Hòn Săn và các khu du lịch nghỉ dưỡng Wild Beach.
- Phía Tây được bao bọc bởi tuyến tỉnh lộ 1B và bãi thải xỉ nằm giữa hai dãy núi.
- Phía Đông là bờ biển có chiều dài 1,7 km.

II. Quy mô dự án

Dự án có quy mô và đặc điểm chính sau :

- Quy mô công suất: 2 x 660MW (tính)
- Nhiên liệu chính: than nhập khẩu từ Indônêxia và Ôxtrâylia
- Nhiên liệu đốt kèm (khi phụ tải thấp): dầu LFO
- Diện tích nhà máy chính: khoảng 178 ha
- Các đặc điểm và giải pháp kỹ thuật chính:
 Công nghệ trên tới hạn, Tuabin ngưng hơi, nhiều thân, đa trục đơn tuyến. Cấu hình tổ máy: 1 lò hơi + 1 tuabin hơi + 1 máy phát điện.
- Bãi thải xỉ rộng khoảng 68ha.

Công nghệ sản xuất

Than từ bунке được đưa tới máy nghiền qua các máy cấp than nguyên để đảm bảo kích cỡ hạt than theo yêu cầu. Các hạt than đạt kích cỡ yêu cầu sẽ được gió nóng vận chuyển đến các vòi phun và được phun vào lò. Các vòi phun phát thải NOx thấp được sử dụng để đáp ứng giới hạn phát thải môi trường về NOx. Nhiệt độ cháy trong lò sẽ đạt 1300-1500°C sinh ra nhiệt, thời gian lưu cháy của hạt than khoảng 2-5 giây đảm bảo cháy hoàn toàn hạt than.

Nước cấp tới bộ hâm và sau đó được đưa tới các ống kiểu màng của buồng đốt thông qua một loạt bộ gia nhiệt. Lò hơi là loại siêu tới hạn nên không cần thiết sử dụng bao hơi để phân tách hơi và nước, thay vào đó, ở áp suất tới hạn, nước quay trở thành hơi quá nhiệt và chỉ có hơi xuất hiện trong phần trên của các ống màng buồng đốt.

Hơi thoát ra khỏi ống màng buồng đốt và được đưa qua các bộ gia nhiệt và sau đó tới tuabin.

Từ trục hạ áp của tuabin, hơi được trích ra tới bình ngưng ở đó hơi được làm lạnh và ngưng tụ. Hơi ngưng tụ qua phần tách của hệ thống hâm đầu vào từ đó quay trở lại lò hơi. Mạch nước – hơi của lò hơi và tuabin là mạch kín.

Tuabin và máy phát quay sinh ra điện. Điện từ máy phát qua máy biến áp tăng áp truyền lên lưới điện quốc gia.

Lò hơi

Lò hơi sử dụng cho nhà máy nhiệt điện Vân Phong 1 là lò than phun, vận hành với chế độ siêu tới hạn. Lò hơi nhà máy sẽ được thiết kế để sử dụng than bitum và á bitum nhập khẩu có chất lượng tốt và hàm lượng tro thấp.

Các thông số chính của lò hơi:

| | |
|---------------------------------------|-----------------------|
| - Loại lò hơi: | lò than phun trực lưu |
| - Số lượng: | 2 lò (1 lò/tổ) |
| - Năng suất hơi ở chế độ BMCR: | 2.224 t/h/lò |
| - Áp suất hơi ở đầu ra bộ quá nhiệt: | 25,1 MPa |
| - Nhiệt độ hơi ở đầu ra bộ quá nhiệt: | 569°C |
| - Áp suất hơi ở đầu ra bộ tái nhiệt: | 5,2 MPa |
| - Nhiệt độ hơi ở đầu ra bộ tái nhiệt: | 568°C |
| - Hệ thống cấp than: | đốt trực tiếp |

Tuabin

Tuabin ngưng hơi, nhiều thân, đa trục đơn tuyến, quá nhiệt trung gian một cấp, có trích hơi gia nhiệt.

Tuabin gồm có 3 bộ phận riêng biệt: 01 tuabin cao áp, 01 tuabin trung áp chu trình đơn và 02 tuabin hạ áp chu trình kép.

Các thông số chính trong điều kiện định mức:

| | |
|---|----------------|
| - Công suất định mức | 660 MW (tinh) |
| - Tốc độ | 3000 vòng/phút |
| - Áp suất hơi chính | 24,2 MPa |
| - Nhiệt độ hơi chính | 566°C |
| - Áp suất hơi ở đầu vào tua bin trung áp | 4,27 MPa |
| - Nhiệt độ hơi ở đầu vào tua bin trung áp | 566°C |

| | |
|--|---------|
| - Áp lực hơi xả | 6,3 kPa |
| - Số lượng cửa trích hơi | 8 |
| - Nhiệt độ nước làm mát | 27°C |
| - Chênh lệch nhiệt độ nước đầu vào và đầu ra bình ngưng: | 7°C |

Cảng than

Bến cập tàu là bến có kết cấu đài mềm, dạng xa bờ, có cầu dẫn, kết cấu bằng bê tông cốt thép (BTCT) trên nền cọc ống thép có đường kính 700 - 1.100 mm. Bến cập tàu có thể cho phép tàu 105.000 DWT vào vận chuyển hàng hoá và bao gồm sàn BTCT.

- Chiều dài bến giai đoạn 1 là $L = 290$ m cho Vân Phong 1.

- Chiều rộng sàn công nghệ: $Bb = 27$ m.

Hệ thống nước làm mát

NMNĐ Vân Phong 1 làm mát trực lưu, sử dụng nước biển để làm mát bình ngưng. Hệ thống nhận và thải nước làm mát được thiết kế đáp ứng nhu cầu nước làm mát bình ngưng chính và nước làm mát vòng kín. Nước làm mát là nước biển được bơm từ trạm bơm nước tuần hoàn và đi vào nhà máy theo 2 đường ống qua bình ngưng để giảm nhiệt độ bình ngưng đến mức thiết kế, nước làm mát theo 2 đường ống ra hố siphon và thải ra biển. Sau khi qua hố siphon, nước biển được dẫn qua kênh thải hở và thải ra biển qua cửa xả khi đó, động năng của dòng nước đã giảm.

Hệ thống thải tro xỉ

Phương pháp thải xỉ của nhà máy lựa chọn là phương pháp thải xỉ khô. Hệ thống thải tro xỉ được thiết kế phù hợp để có thể thải trực tiếp tro từ các silo chứa tro lên xe chuyên dụng để ra bãi thải xỉ.

Tro xỉ được sẽ được làm ẩm và nghiền trộn tại silo tro xỉ và được vận chuyển đến bãi thải bằng xe tải chuyên dụng để hạn chế ô nhiễm bụi đến môi trường. Khu vực bãi thải xỉ rộng khoảng 68ha.

III. Các tác động môi trường

3.1. Các tác động đến đời sống cộng đồng

Tổng số hộ bị ảnh hưởng là 306 hộ với 1.576 nhân khẩu nằm trong hai thôn Ninh Yên và Mỹ Giang của xã Ninh Phước. Tổng diện tích đất thu hồi vĩnh viễn cho dự án là 1.760.993m², trong đó: đất ở của hộ gia đình/cá nhân là 82.302m², đất nông nghiệp, vườn, nuôi trồng thủy sản khoảng 1.251.988m² và đất của tổ chức là 426.703 m². Theo đó, có 230/306 hộ bị ảnh hưởng nặng theo chính sách dự án và 5 hộ thuộc nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.

Các tác động chính được nhận biết là:

- Mất công ăn việc làm, thu nhập và sinh kế dựa vào đất, khai thác thủy sản của người dân địa phương và mất các cơ sở hạ tầng, mạng lưới xã hội.
- Xáo trộn và thay đổi môi trường sống đối với các hộ phải di chuyển. Đặc biệt các hộ bị ảnh hưởng phải di chuyển lần thứ hai do trước đây đã bị thu hồi đất và di dời khi xây dựng nhà máy Hyundai năm 1997.
- Thay đổi cơ cấu sử dụng đất của địa phương

Tổng hợp các ảnh hưởng chính đến cộng đồng người dân địa phương được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 1. Những tác động chính của dự án đến đời sống cộng đồng

| Những tác động chính | Đơn vị | Số lượng |
|---|----------------------|--------------|
| 1. Hộ bị ảnh hưởng: | Hộ | 306 |
| Trong đó: | | |
| + Hộ ảnh hưởng đất ở | Hộ | 95 |
| + Hộ ảnh hưởng đất nông nghiệp | Hộ | 232 |
| + Hộ ảnh hưởng đất khác | Hộ | 25 |
| 2. Diện tích đất bị ảnh hưởng | m² | |
| Trong đó | | |
| + Đất ở | m ² | 82.302 |
| + Đất nông nghiệp, vườn, mặt nước NTTS | m ² | 1.251.988 |
| + Đất khác (đất công) | m ² | 426.703 |
| 3. Số lượng người bị ảnh hưởng | Người | 1.576 |
| 4. Số lượng hộ tái định cư | Hộ | 84 |
| 5. Diện tích nhà và công trình bị ảnh hưởng | m² | 6.919 |
| 6. Số lượng hộ gia đình có đất nông nghiệp bị ảnh hưởng nghiêm trọng (20% hoặc hơn, 10% với hộ dễ bị tổn thương) | Hộ | 230 |
| 7. Hộ dễ bị tổn thương bị ảnh hưởng | Hộ | 5 |

Ngoài ra, Dự án cũng ảnh hưởng đến 15 công trình công cộng do 07 cơ quan chức năng quản lý như sau.

Bảng 2: Tổng hợp công trình công cộng bị ảnh hưởng

| STT | Tên công trình | Chủ sử dụng | ĐVT | Khối lượng ảnh hưởng |
|-----|----------------------------|---|----------------|----------------------|
| 1 | Đồn biên phòng Ninh Phước | Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Khánh Hòa | m ² | 27.525,7 |
| 2 | Trường tiểu học Ninh Phước | Phòng giáo dục và đào tạo TX Ninh Hòa | m ² | 9.905,0 |
| 3 | Trạm Mobifone | Mobifone TX Ninh Hòa | m ² | 1.062,6 |
| 4 | Trạm y tế xã Ninh Phước | Trung tâm y tế huyện Ninh Phước | m ² | 1.455,9 |
| 5 | Bưu điện Ninh Phước | Bưu chính viễn thông TX Ninh Hòa | m ² | 1.000 |
| 6 | Trụ sở UBND xã | UBND xã Ninh Phước | m ² | 1.500,0 |
| 7 | Trạm biến áp | Điện lực TX Ninh Hòa | Trạm | 1,0 |
| 8 | Cột điện hạ thế | Điện lực TX Ninh Hòa | cột | 55,0 |
| 9 | Cột điện trung thế | Điện lực TX Ninh Hòa | cột | 25,0 |

| STT | Tên công trình | Chủ sử dụng | ĐVT | Khối lượng ảnh hưởng |
|-----|----------------------------------|----------------------|----------------|----------------------|
| 10 | Dây điện | Điện lực TX Ninh Hòa | m | 2.500 |
| 11 | Đất bằng trồng cây hàng năm khác | UBND xã Ninh Phước | m ² | 308.090,0 |
| 12 | Đường giao thông | UBND xã Ninh Phước | m ² | 40.643,8 |
| 13 | Đất thủy sản | UBND xã Ninh Phước | m ² | 3.906,5 |
| 14 | Đất sông suối | UBND xã Ninh Phước | m ² | 22.788,6 |
| 15 | Mương | UBND xã Ninh Phước | m ² | 8.824,9 |

Có thể nói thêm rằng, xã Ninh Phước nằm trong diện tích qui hoạch Khu kinh tế Vân Phong do đó, toàn bộ dân và các công trình trên đất của xã sẽ phải di dời theo qui hoạch tổng thể của khu kinh tế. Số liệu trình bày ở đây là số liệu khảo sát tính riêng cho diện tích dự kiến thực hiện dự án nhiệt điện Vân Phong 1.

3.2. Các loại chất thải phát sinh

3.2.1. Các loại chất thải phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị

Giai đoạn chuẩn bị xây dựng kéo dài trong khoảng 1,5 năm, chủ yếu là các hoạt động phá dỡ, loại bỏ thảm thực vật, san gạt mặt bằng, đào đắp, các hoạt động vận chuyển đồ thải, bố trí lán trại công nhân trên công trường....

a. Bụi phát sinh trong quá trình san gạt mặt bằng

Dự án sẽ đào khoảng 5.800.000m³ và sử dụng khoảng 5.500.000m³ cho công tác đắp. Như vậy, lượng bụi trung bình phát sinh trong quá trình san gạt khoảng 3,48 kg/ngày, nồng độ trung bình giờ khoảng 0.027 mg/m³.

b. Khí thải từ hoạt động của các thiết bị và phương tiện vận chuyển

Trong giai đoạn này, để vận chuyển đất đá thải bỏ từ quá trình đào đắp, nạo vét phải sử dụng khoảng 141 – 188 chuyến xe tải/ngày, tương ứng như vậy, lượng các chất ô nhiễm phát sinh như sau.

Bảng 3. Tài lượng ô nhiễm từ các phương tiện vận tải

| STT | Chất ô nhiễm | Tài lượng ô nhiễm phát thải (kg/day) |
|-----|-----------------|--------------------------------------|
| 1 | Bụi | 0,14 - 0,19 |
| 2 | SO ₂ | 0,65 - 0,86 |
| 3 | NO ₂ | 0,23 - 0,3 |
| 4 | CO | 0,46 - 0,6 |
| 5 | VOC | 0,13 - 0,17 |

Phạm vi ảnh hưởng chủ yếu là môi trường không khí dọc các tuyến đường vận chuyển.

c. Tác động đến môi trường nước

Ảnh hưởng chủ yếu trong giai đoạn này chất rắn lơ lửng trong nước gây ra do nước mưa chảy tràn bề mặt như sau:

- Diện tích nhà máy chính khoảng 178ha, lượng nước mưa chảy tràn ước tính khoảng 2.552.876 m³/năm. Lượng chất rắn bị cuốn trôi theo nước mưa khoảng 1.355,6 tấn/năm.
- Diện tích bãi thải xỉ khoảng 68ha, lượng nước mưa chảy tràn ước tính khoảng 975.256

m³/năm. Lượng chất rắn bị cuốn trôi theo nước mưa khoảng 517,9 tấn/năm.

- Diện tích khu nhà ở của công nhân viên khoảng 3,46 ha, lượng nước mưa chảy tràn ước tính khoảng 43.026 m³/năm. Lượng chất rắn bị cuốn trôi theo nước mưa khoảng 22,8 tấn/năm.

d. Chất thải rắn

Trong giai đoạn này, chất thải rắn chủ yếu phát sinh từ các hoạt động đào, đắp, tháo dỡ các công trình, loại bỏ thảm thực vật, lớp đất bề mặt... trong đó lượng sinh khối thải bỏ khoảng 20.701 tấn.

3.2.2. Các loại chất thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng

a. Tác động đến môi trường không khí

- Khí thải từ hoạt động của thiết bị/máy móc xây dựng và các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng: giai đoạn này kéo dài khoảng 50 tháng và hàng ngày cần 57 – 77 chuyến xe tải để chuyên chở vật liệu xây dựng.

Bảng 4. Tải lượng ô nhiễm từ các phương tiện vận tải

| Stt | Chất ô nhiễm | Đơn vị | Khối lượng |
|-----|-----------------|--------|------------|
| 1 | Bụi | kg/day | 0,77-1,03 |
| 2 | SO ₂ | kg/day | 3,57-4,76 |
| 3 | NO ₂ | kg/day | 1,24-1,65 |
| 4 | CO | kg/day | 2,50-3,233 |
| 5 | VOC | kg/day | 0,69-0,92 |

- Khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển đường thủy tại bến: trong giai đoạn này cần khoảng 0,56 – 1,146 chuyến xà lan/ngày. Lượng khí thải phát sinh từ các xà lan này như sau.

Bảng 5. Tải lượng ô nhiễm từ xà lan

Đơn vị: g/ngày

| | | | | | |
|-----------------|-----------------|-----|----------------|------------------|---------------|
| NO _x | 246,77 – 615,06 | VOC | 17,68 – 44,65 | N ₂ O | 0,29 – 0,73 |
| CH ₄ | 0,84 – 2,09 | CO | 77,63 – 194,09 | CO ₂ | 11620 - 29049 |

- Bụi phát sinh trong quá trình bốc dỡ vật liệu xây dựng như xi măng, đá, cát, sỏi... khoảng 0,12kg/ngày.

b. Tác động đến môi trường nước

- Chất thải phát sinh trong quá trình nạo vét: tiến hành nạo vét khoảng 1.000.000m³ bùn tại vị trí kênh lấy và thải nước làm mát.

- Nước thải sinh hoạt: vào cao điểm xây dựng trên công trường có khoảng 5.000 công nhân, lượng nước thải hàng ngày khoảng 540m³ với thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, chất dinh dưỡng, vi sinh vật...

- Nước thải nhiễm dầu: phát sinh trong quá trình vệ sinh các thiết bị/máy móc xây dựng... thành phần chủ yếu của loại nước thải này là chất rắn lơ lửng và dầu, mỡ với khối lượng trong giai đoạn cao điểm khoảng 10 m³/ngày.

3.2.3. Các loại chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành

a. Khí thải

Ảnh hưởng đến môi trường không khí khu vực dự án và vùng lân cận, đặc biệt là các vùng chịu ảnh hưởng của hướng gió chủ đạo do khói thải của việc đốt nhiên liệu lò hơi. Theo kết quả tính toán từ mô hình Steam Pro 19, nồng độ phát thải chất ô nhiễm do khói thải của lò hơi

dựa trên đặc tính thiết bị được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 6: Nồng độ chất ô nhiễm trong khói thải lò hơi

| Chất ô nhiễm | Tiêu chuẩn của IFC (mg/Nm ³) (tham khảo) | QCVN 22:2009/BTNMT (mg/Nm ³) | | | | Giá trị phát thải (mg/Nm ³) | | |
|-----------------|--|--|---------------------------|---------------------------|-----------------|---|---------------------|---------------|
| | | QCVN | Phát thải trước khi xử lý | Phát thải trước khi xử lý | Giá trị áp dụng | Phát thải trước khi xử lý | Hiệu suất xử lý (%) | Sau khi xử lý |
| Bụi | 50 | 200 | 1 | 0,7 | 140 | 9455 | 99,5 | 47 |
| SO ₂ | 2000 (~0.2 t/ngày/MWe) và (0.1 mỗi 500 MWe thêm vào) | 500 | 1 | 0,7 | 350 | 2.220 | 86,5 | 300 |
| NO _x | 750 (chỉ áp dụng cho than có chất bốc > 10%) | 650 | 1 | 0,7 | 455 | 360 | - | 360 |

- Khí thải từ hoạt động vận chuyển tro xỉ: hàng năm có khoảng 384.918 tấn tro xỉ thải ra, như vậy trung bình một ngày cần khoảng 33 chuyến xe tải chở tro xỉ ra bãi thải. Tải lượng ô nhiễm phát sinh từ quá trình vận chuyển này như sau.

Bảng 7. Tải lượng ô nhiễm phát sinh từ hoạt động vận chuyển tro xỉ

| Thành phần | Đơn vị | Tải lượng |
|-----------------|--------|-----------|
| Bụi | g/day | 29,7 |
| SO ₂ | g/day | 136,95 |
| NO ₂ | g/day | 47,52 |
| CO | g/day | 95,7 |
| VOC | g/day | 26,4 |

- Bụi phát sinh trong quá trình nghiền than để đảm bảo kích thước theo quy định trước khi đưa vào buồng đốt khoảng 6.600 tấn/năm với hệ số phát thải 2,2 kg/tấn than.

b. Nước thải

- Nước làm mát: nước biển được sử dụng để làm mát và được thải ra ngoài môi trường với lưu lượng dự kiến 220.000 m³/h. Nhiệt độ nước làm mát tại bình ngưng lớn hơn nhiệt độ nước đầu vào khoảng 7°C, tuy nhiên, do nước biển cũng được sử dụng để hấp thụ SO₂ trong khí thải của ống khói tại hệ thống FGD do vậy nhiệt độ chênh lệch khoảng 8,0°C. Nước thải từ hệ thống khử lưu huỳnh FGD, góp phần làm tăng thêm nhiệt độ nước làm mát. Thành phần nước thải còn có hàm lượng rắn lơ lửng và rắn hòa tan cao, pH thấp.

Theo các kịch bản tính toán diện tích khu vực nước biển lớn nhất có nhiệt độ tăng hơn so với bình thường 1°C và 3°C lần lượt khoảng 17km² và 2,5km². Khoảng cách lớn nhất từ nguồn thải đến khu vực bị tăng nhiệt độ lên 1°C do ảnh hưởng của nước làm mát theo các hướng Bắc, Nam, Đông, Tây lần lượt khoảng 2,8km, 6,8km, 3,5km và 1,6km.

Khoảng cách lớn nhất từ nguồn thải đến khu vực bị tăng nhiệt độ lên 3°C do ảnh hưởng của nước làm mát theo các hướng Bắc, Nam, Đông, Tây lần lượt khoảng 2km, 1,2km, 1,3km và 0,95km.

Diện tích bị ảnh hưởng lớn nhất và nhỏ nhất lần lượt xuất hiện vào mùa hè và mùa đông khi hướng gió chủ đạo là hướng Đông Nam và hướng Bắc.

- Nước thải kỹ thuật: Phát sinh từ các hạng mục như hệ thống xử lý nước, lò hơi, tua bin, phòng thí nghiệm, nhà vệ sinh... Thành phần nước thải chủ yếu gồm a xít, kiềm, chất rắn lơ

lùng, N, P, dầu mỡ, kim loại nặng, vi khuẩn...

c. Chất thải rắn

Tổng lượng chất thải rắn trong giai đoạn vận hành bao gồm:

- 91,25 tấn/ năm chất thải rắn sinh hoạt gồm giấy, thủy tinh, túi ni lon, các chất hữu cơ...
- 384.918 tấn chất thải sản xuất/năm trong suốt quá trình sản xuất bao gồm 327.210 tấn tro bay và 57.708 tấn xỉ đáy lò.

d. Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại gồm hóa chất, dầu, mỡ, ắc quy... với khối lượng 01 tấn/năm. Cặn dầu phát sinh khi vệ sinh bể dầu khoảng 13 tấn/năm.

3.2.4. Các loại chất thải phát sinh trong giai đoạn tháo dỡ nhà máy

Nhà máy sẽ được chuyển giao cho Bộ Công Thương sau 25 năm vận hành. Do vậy, công tác tháo dỡ nhà máy sẽ do Bộ thực hiện. Trong giai đoạn này các hoạt động tháo dỡ các hạng mục nhà máy, vận chuyển chất thải... ảnh hưởng đến môi trường tương tự như giai đoạn chuẩn bị và xây dựng đến môi trường không khí, đất, nước.

Ngoài ra, trong giai đoạn này vấn đề cũng cần chú ý là các tác động do đất bị ô nhiễm trong khu vực dự án bởi các vật chất phát thải trong quá trình xây dựng, vận hành của nhà máy.

3.3. Các tác động khác

a. Tác động đến hệ sinh thái

- Hệ sinh thái cạn và hệ sinh thái nước sẽ bị ảnh hưởng bởi dự án:

Việc xây dựng sẽ làm ảnh hưởng đến thảm thực vật trong khu vực, tuy nhiên trong khu vực này chủ yếu gồm các hệ sinh thái:

- Cây bụi;
- Hệ sinh thái nông nghiệp thuộc khu dân cư gồm ao hồ, hoa màu, cây ăn quả... khoảng 1.251.988m².
- Hệ sinh thái rừng trồng với các loại cây tràm, bạch đàn, dó bầu...;
- Hệ sinh thái thủy sinh do diện tích mặt biển sử dụng để xây dựng các hạng mục cảng nhiên liệu và cảng tổng hợp, cửa nhận và thải nước làm mát.

b. Tác động do tiếng ồn và độ rung

- Tiếng ồn từ các hoạt động của các thiết bị/máy móc xây dựng và các phương tiện vận chuyển trong cả giai đoạn chuẩn bị, xây dựng và vận hành tại các vị trí xung quanh hàng rào dự án và các tuyến đường vận chuyển dao động từ 50 – 65 dBA tuy có cao hơn quy định trong QCVN 26:2010/BTNMT vào thời gian buổi tối nhưng thấp hơn so với quy định trong thời gian ban ngày. Do dự án nằm trong KKT Vân Phong, do vậy, tiếng ồn ảnh hưởng đến người dân bởi dự án là không đáng kể.

- Rung động có thể ảnh hưởng đến sức khỏe người dân như gây mất ngủ, mệt mỏi, rối loạn thần kinh....

c. Tác động do hoạt động của cảng

Môi trường không khí bị ảnh hưởng do bụi, CO, SO_x, NO_x, HC và VOC, mùi từ các quá trình:

- Vận chuyển hàng hóa tới cảng

- Vận chuyển hàng hóa tới xe tải
- Vận chuyển hàng hóa trên đường
- Các thiết bị phụ trợ như (bơm, xe nâng, cần trục)
- Ô nhiễm nước do dầu thải, bùn, nước thải, chất thải rắn rơi vãi từ các quá trình như:
 - + Hoạt động của tàu thuyền và lao động trên tàu.
 - + Súc rửa Côngtenơ
 - + Rò rỉ và rơi vãi các chất
 - + Tai nạn tàu thuyền.
- Ô nhiễm đất do chất thải rắn, bùn, vết dầu loang từ các hoạt động trên cảng, rơi vãi trong quá trình bốc dỡ, sự cố tàu chờ dầu.
- Ô nhiễm hệ sinh thái do chất thải và ô nhiễm nước, chất thải rắn từ hoạt động bốc dỡ hàng hóa trên cảng, hoạt động của tàu thuyền, sự cố tàu chờ hàng.

d. Tác động khi có thêm các dự án công nghiệp khác trong khu vực

NMND Vân Phong 1 nằm trong khu kinh tế với một số dự án đã và sẽ đi vào hoạt động như nhà máy lọc dầu của Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Công ty cổ phần xi măng Hòn Khói, Công ty TNHH đóng tàu Hyundai – Vinashin, như vậy, các dự án này tác động đến nồng độ các chất gây ô nhiễm không khí trong khu vực và ảnh hưởng đến môi trường nước, đất, không khí và hệ sinh thái.

Ngoài ra, Dự án còn gây ra các tác động khác đến cơ cấu dân số địa phương, du lịch, cảnh quan, vận tải đường thủy trong khu vực...

IV. Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực

4.1. Biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn tiền thi công và giai đoạn xây dựng

- Để giảm thiểu bụi trong quá trình xây dựng, khu vực xây dựng phải được bao che bằng rào kín;
- Thực hiện phun nước dọc tuyến đường vận chuyển 02 lần/ngày đối với khu vực địa điểm dự án và tuyến giao cắt giữa đường 1B và đường thi công của dự án.
- Xe chuyên chở nguyên nhiên vật liệu phải được che phủ kín và giảm vận tốc khi đi qua khu dân cư.
- Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng sẽ được xử lý bằng bể tự hoại sau đó lại tiếp tục được lắng lọc hoặc sục oxy để giảm hàm lượng rắn lơ lửng và các chất đáp ứng được qui định.
- Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động trong quá trình xây dựng.
- Rác thải sinh hoạt sau khi được thu gom và tập trung tại bãi thải tạm thời sẽ được ký hợp đồng với đơn vị chức năng của địa phương để xử lý theo quy định.
- Chất thải nguy hại (dầu, hoá chất ...) sẽ được thu gom vào các thùng chứa kín có nắp đậy để chống rò rỉ và vương vãi ra đất. Các thùng chứa này được đặt ở nơi qui định, có lớp đáy chống thấm để không gây ô nhiễm chất lượng nước ngầm. Nhà thầu xây dựng sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng địa phương thu gom và xử lý theo qui định.

Nhà máy NĐ Vân Phong 1 nằm trong khu kinh tế Vân Phong đã được qui hoạch các khu riêng biệt và sẽ được thực hiện theo kế hoạch. Do đó, những tác động đến người dân trong khu vực dự án trong giai đoạn này là không đáng kể.

4.2. Biện pháp giảm thiểu trong giai đoạn vận hành

a. Biện pháp giảm thiểu đối với khói thải

- Lắp đặt hệ thống khử bụi tĩnh điện ESP với hiệu suất khử 99,5%.
- Lắp đặt hệ thống khử lưu huỳnh bằng nước biển với hiệu suất khoảng 86,5%.
- Với các giải pháp công nghệ như tuần hoàn khói thải, phân tầng khí và công nghệ vòi đốt Low-NOx có thể kiểm soát lượng phát thải NOx trong ống khói ở mức thấp nhất.
- Ống khói được xây dựng có độ cao trên 240m trên có lắp hệ thống quan trắc tự động.
- Tro bay và xỉ đáy lò sẽ được đưa xuống bãi thải bằng hệ thống thải khô sử dụng xe tải.

b. Biện pháp giảm thiểu đối với nước thải

- Nhằm mục đích khuếch tán nhiệt tốt nhất và có diện tích ảnh hưởng nhỏ nhất sẽ bố trí kênh thải nước làm mát ở phía tây bắc nhà máy, cửa nhận nước và cửa ra kênh thải bố trí cách nhau hơn 2.000m và đặt miệng kênh thải ở độ sâu – 10m.
- Nước làm mát từ hệ thống FGD sẽ được xử lý trong bể oxy hoá sau đó dẫn vào hệ thống thải nước làm mát ra biển.
- Nước thải của nhà máy bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải nhiễm dầu, nước thải từ hệ thống cấp than, nước thải sản xuất, ... Các loại nước thải sinh hoạt và kỹ thuật của nhà máy sẽ được xử lý từng phần để đạt được tiêu chuẩn trong QCVN 40:2011/BTNMT và tiêu chuẩn của IFC trước khi thải ra biển.

c. Biện pháp giảm thiểu đối với bãi thải xỉ

Bãi thải xỉ nằm ở thung lũng phía tây khu vực Nhà máy chính, có diện tích bên trong khoảng 68ha, kích thước 610 x 920m.

Thành và đáy bãi xỉ sẽ được lót lớp chống thấm để ngăn nước bãi xỉ rò rỉ, thấm vào nước ngầm và đất. Để ngăn tro xỉ không bị tràn ra ngoài, xung quanh bãi xỉ được thiết kế hệ thống rãnh quây và hệ thống thu gom nước mưa ra hồ thu lắng ở góc bãi xỉ. Bên trong bãi xỉ được chia ô và xỉ sẽ được đầm nén chặt và phủ đất mặt để hạn chế ô nhiễm bụi phát tán ra xung quanh.

Nước dư chảy tràn từ bãi xỉ (trong trường hợp mưa lớn bất thường) được thu gom và đưa về xử lý trong hệ thống xử lý nước thải. Trang bị hệ thống dàn phun ẩm xỉ.

d. Biện pháp giảm thiểu đối với cảng

Để giảm thiểu tác động do hoạt động của cảng, ngoài việc lựa chọn giải pháp thiết kế cảng hợp lý Chủ đầu tư sẽ áp dụng một số biện pháp giảm thiểu sau:

- Đặt ra một số qui định:
 - + Qui định số lượng tàu vào cảng, vị trí neo đậu tàu và thời gian lưu bến.
 - + Qui định việc thải chất thải xuống biển.
- Trang bị hệ thống và thiết bị bốc dỡ hiện đại để hạn chế tối đa việc rơi vãi vật liệu xây dựng, nhiên liệu và các hoá chất từ tàu.
- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải nhiễm dầu từ cảng để xử lý.
- Phân luồng, cắm mốc, đèn, phao báo hiệu để hạn chế tai nạn tàu thuyền
- Trong trường hợp xảy ra sự cố, thông báo ngay đến các cơ quan liên quan để hợp tác và huy động nhân lực, thiết bị để ứng phó kịp thời. Cô lập khu vực xảy ra tai nạn như cháy nổ, tràn dầu.